



SINCE 1989

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY

Khu phố 1, Đường Nguyễn Văn Quỳ,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM.

ĐT: (+84.28) 3873 3295 - 3873 1149 - Fax: (+84.28) 3873 3003



SINCE 1989



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2024

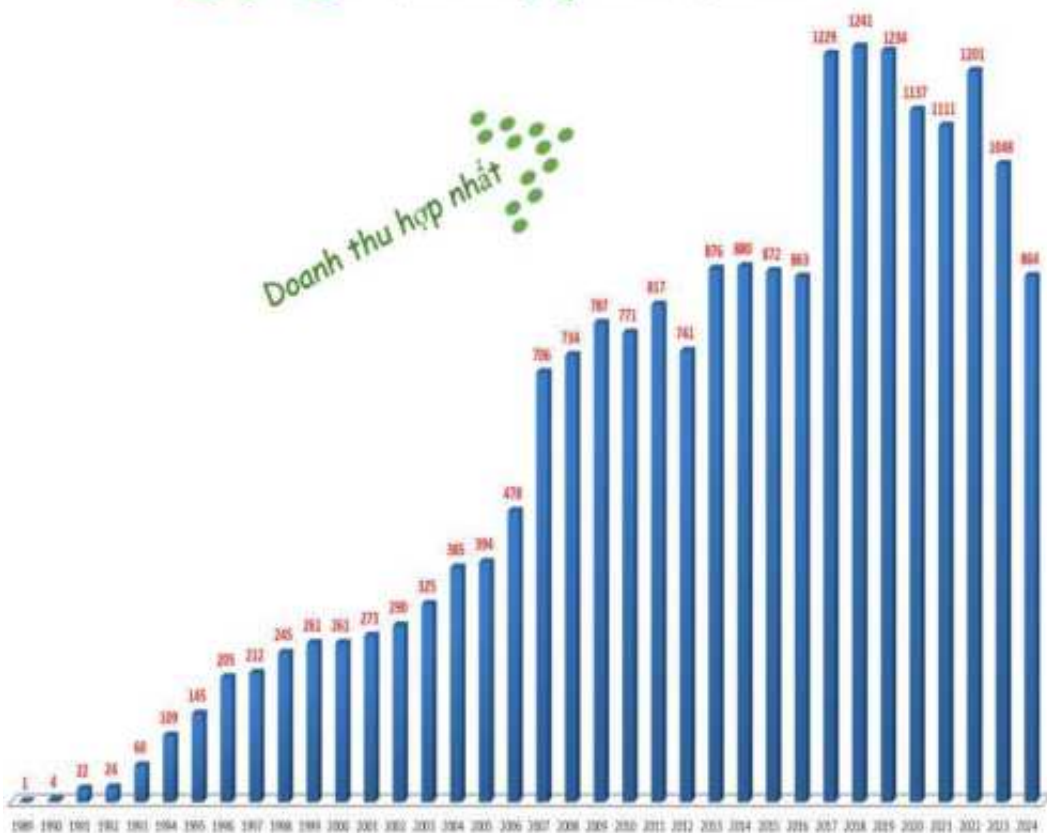


**TỰ HÀO 3 LẦN LIÊN TIẾP
ĐẠT THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA
2020 - 2022 - 2024**

QĐ 2534/QĐ-BCT, ngày 29 tháng 09 năm 2020
QĐ 1977/QĐ-BCT, ngày 29 tháng 09 năm 2022
QĐ 2776/QĐ-BCT, ngày 21 tháng 10 năm 2024

SPC Xanh, Thêm Xanh

Doanh thu hợp nhất



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát	07
Lịch sử hình thành và phát triển	11
Các đơn vị trong và ngoài nước	16
Cơ cấu sản phẩm	29
Mục tiêu chiến lược	33
Phân tích SWOT	34



TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ CỔ ĐÔNG

Cơ cấu quản trị	39
Thành viên Hội đồng quản trị	41
Thành viên Ban kiểm soát	43
Ban giám đốc, Kế toán trưởng	45
Cơ cấu cổ đông	51
Tình hình tài chính	54



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Báo cáo của Hội đồng quản trị	56
Báo cáo của Ban điều hành	69
Báo cáo của Ban kiểm soát	83



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo Kiểm toán độc lập	101
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	102
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	104
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	105
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	107



Giới thiệu về

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY

SPC Xanh, Thơm, Xanh



Quý hàng
**THƯƠNG HIỆU
QUỐC GIA
VIỆT NAM**

Năm 2020 – 2022 – 2024

Proud of product meets
Vietnam's National Brand in 2020 – 2022 – 2024





Xí nghiệp Sản xuất thuốc Bảo vệ thực vật Sài Gòn
ở KCN Hiệp Phước



Thông tin khái quát

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300632232 do Sở KHĐT TP.HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 14/06/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 13/09/2023

Vốn điều lệ: 105.300.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 105.300.000.000 đồng

Địa chỉ: KP 1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Số điện thoại: 028.38733666

Số fax: 028.38733391 – 028.38733003

Website: www.spchmc.vn

Mã cổ phiếu: SPC



Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất, gia công, mua bán, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật

Sản xuất, gia công, mua bán phân bón, giống cây trồng

Kinh doanh thuốc thú y

Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh)

Dịch vụ tư vấn về trồng trọt

Dịch vụ xông hơi khử trùng

Dịch vụ xử lý chất thải, phân tích mẫu hóa chất

36 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 15/03/1989, ngày viên gạch đầu tiên đặt nền móng để xây dựng Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn – nay là công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn – SPC.

Khi mới thành lập, công ty chỉ sản xuất và phân phối 03 sản phẩm, với đội ngũ CB-NV là 30 người. Qua 36 năm hình thành và phát triển, đến nay Công ty đã có gần 400 cán bộ công nhân viên; quy mô hoạt động với 07 Chi nhánh trong nước, 03 Công ty con ở nước ngoài; nhà máy rộng 4,3 ha tại Hiệp Phước được trang bị máy móc thiết bị hiện đại, hệ thống quản lý môi trường đạt tiêu chuẩn ISO 14001; hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001 liên tục từ năm 1999 đến nay.



Khởi công xây dựng nhà máy

Công ty đã hợp tác nhiều đối tác kinh doanh uy tín trên thế giới như KVF, LG Chem (Hàn Quốc); Haifa (Israel); Nongfeng (Trung Quốc); Agría (Bungari)... Đến nay, bộ sản phẩm của Công ty đã có trên 100 chủng loại, hệ thống phân phối rộng khắp toàn quốc và một số nước lân cận; doanh thu của Công ty hiện đạt trên 800 tỷ đồng/năm, là một trong những công ty có thị phần về thuốc bảo vệ thực vật lớn nhất Việt Nam, đã góp phần tích cực cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp nước nhà.

Ba mươi sáu năm đi qua với biết bao thăng trầm và mỗi giai đoạn lịch sử, Công ty đều gặp những khó khăn, thách thức riêng, nhưng với sự góp sức của bao thế hệ cán bộ công nhân viên, Công ty đã vượt qua tất cả, đứng vững đến ngày hôm nay và khẳng định vị thế của mình.

Giai đoạn từ năm 1989 đến năm 2000: Thành lập Nhà máy và tách ra hoạt động độc lập.

Giai đoạn vừa thành lập, cơ sở vật chất còn đơn sơ, bộ máy tổ chức còn tối giản nhưng với lòng nhiệt huyết của toàn thể CB-CNV, sự định hướng đúng đắn của Ban lãnh đạo, sản phẩm của Công ty đã được thị trường đón nhận tích cực, thương hiệu SPC đã bắt đầu lan tỏa.

Ngày 18/02/1993, thực hiện Quyết định số 68/QĐ-UB của UBND TP.HCM, Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn được chuyển thành DNNN Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn, trực thuộc UBND TP.HCM. Xí nghiệp bắt đầu hoạt động hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân và tách khỏi Chi cục Bảo vệ Thực vật TP.HCM. Đây là bước chuyển mạnh mẽ của Nhà máy để thực hiện tự lập về mọi mặt.



Trụ sở Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn

Mặc dù mới “ra ở riêng” nhưng Nhà máy đã ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình về sự nghiệp phát triển trong tương lai. Ngày 22/04/1994, theo quyết định số 1177/QĐ-UB-NC của UBND TP.HCM, Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn chính thức trở thành Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn. Thời gian này, Công ty đã thành lập chi nhánh đầu tiên tại Hà Nội. Việc ra đời chi nhánh, bước đầu đã thể hiện sự lớn mạnh của Công ty.

Và năm 1997, thực hiện việc sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn đã trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn. Công ty tiếp tục phải thực hiện các thủ tục thay đổi và áp dụng cơ chế làm việc mới. Tuy nhiên, các hoạt động của Công ty vẫn phát triển không ngừng.



Lực lượng công nhân Nhà máy thuốc trừ sâu Sài Gòn những ngày đầu

Giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2010: Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, thực hiện cổ phần hóa.

Thực hiện chủ trương chung của Nhà nước, ngày 09/02/2004, theo quyết định số 482/QĐ-UB của UBND TP.HCM, DNNN Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn được chuyển đổi thành Công ty TNHH 1 TV Thuốc trừ sâu Sài Gòn. Tiếp theo, ngày 30/06/2004, theo quyết định số 3131/QĐ-UB của UBND TP.HCM, Công ty TNHH 1 TV Thuốc trừ sâu Sài Gòn đã đổi tên thành Công ty TNHH 1 Thành viên Bảo vệ Thực vật Sài Gòn để phù hợp với hoạt động của Công ty.

Và ngày 27/12/2007, theo Quyết định số 5698/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Bảo vệ Thực vật Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Ngày 09/06/2008, Đại hội cổ đông lần đầu của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được tổ chức, đã thông qua Điều lệ tổ chức hoạt động, bầu Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và phương án hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn chính thức hoạt động theo mô hình mới kể từ ngày 14/06/2008.

Đây là giai đoạn phát triển mạnh mẽ nhất của Công ty về quy mô hoạt động và mạng lưới kinh doanh. Ngoài việc thành lập 2 công ty con tại Lào và Campuchia, 15 chi nhánh tại khắp các vùng nông nghiệp trên cả nước lần lượt ra đời; Và theo quy hoạch của Thành phố, Công ty đã thực hiện di dời và đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thuốc trên khuôn viên rộng 4,3 héc ta tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP.HCM, và từ đó bộ phận sản xuất chính thức mang tên Xí nghiệp Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.



Trụ sở Xí nghiệp Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Giai đoạn từ năm 2010 đến nay: Vững bước tiến lên

Sau cổ phần hóa năm 2008, mặc dù nền tảng công ty đã khá ổn định, thương hiệu của Công ty đã được thị trường đón nhận, song hoạt động của Công ty gặp không ít khó khăn. Giai đoạn này, Công ty vừa phải tự điều chỉnh các hoạt động, nguồn vốn để thích nghi với cơ chế mới, Công ty vừa phải đối đầu với các thử thách trên thị trường như cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008 dẫn đến suy thoái nền kinh tế, đặc biệt là khu vực Châu Á đã kéo dài nhiều năm làm tỷ giá biến động thất thường; giá cả nguyên liệu nhập khẩu leo thang,...

Để vượt qua khó khăn chung của ngành thuốc bảo vệ thực vật, Công ty đã thực hiện chiến lược đầu tư sang lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu ngành hàng sang kinh doanh hạt giống bắp. Tuy nhiên, "mưa không thuận" và "gió không hòa", hầu hết các chiến lược này của Công ty bị thất bại. Đồng thời, giai đoạn này tình hình nhân sự của Công ty bị khủng hoảng trầm trọng. Công ty tưởng như bị "lung lay" bởi khó khăn chồng chất khó khăn. Tuy nhiên, toàn thể CBCNV Công ty đã đoàn kết một lòng để vượt qua, quyết tâm giữ vững mọi hoạt động, kịp thời xử lý các tồn tại và tập trung sâu hơn vào lĩnh vực kinh doanh chính là thuốc bảo vệ thực vật; Đến năm 2010, doanh thu của Công ty đã đạt mức 700 tỷ đồng, lợi nhuận đạt trên 25 tỷ đồng.

Năm 2014, Công ty tiếp tục thành lập 1 văn phòng đại diện và 3 chi nhánh trong nước; và qua thời gian thăm dò thị trường đến năm 2017 Công ty chính thức thành lập Chi nhánh tại Liên bang Myanmar.

Năm 2016, Cục Bảo vệ Thực vật thông báo loại bỏ một số hoạt chất ra khỏi danh mục thuốc bảo vệ thực vật nên Công ty đã mở ngành hàng kinh doanh phân bón, nông sản, nước uống đóng chai, tăng cường đầu tư vốn vào Công ty liên kết; đến tháng 1/2018 Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa chính thức trở thành công ty con của Công ty, và từ tháng 12/2018 Công ty đã được Chi cục Bảo vệ Trồng Trọt Tp.HCM cho phép đủ điều kiện được tổ chức sản xuất phân bón vô cơ tại Xí nghiệp Hiệp Phước.

Qua 36 năm Công ty đã không ngừng lớn mạnh mở rộng và phát triển mọi mặt, sản phẩm của Công ty đã có mặt khắp các thị trường trong nước và thị trường nước ngoài như Campuchia, Lào, Myanmar... Và tương lai không xa các sản phẩm của Công ty sẽ vươn tới thị trường các nước trong và ngoài khu vực Đông Nam Á. Có được kết quả như ngày hôm nay, Công ty ghi nhận và luôn biết ơn công sức của các thể hệ cán bộ, công nhân viên, người lao động đã gần bỏ cả tuổi thanh xuân, cống hiến hết mình và cả đời mình cho sự nghiệp 36 năm vững bước tiến lên của Công ty.

CÁC ĐƠN VỊ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC



CÔNG TY TNHH BVTV SÀI GÒN TẠI LÀO
Km 21, Street 13, Ban Phatthanahoase, Bachieng District,
ChamPaSak Province, Lao P.D.R



*Lãnh đạo Tỉnh Champasak và Huyện Bachieng
tham quan khu trưng bày giới thiệu sản phẩm tại Trung tâm
Thương mại sản xuất Nông nghiệp Bachieng – SPC Lào*



*Ông: Nguyễn Quốc Dũng – Giám đốc điều hành SPC
tặng tranh cho Ngài KOMBOUNYASITH – Cục trưởng Cục trồng trọt Lào*



*Ông: Nguyễn Quốc Dũng – Giám đốc điều hành SPC
tặng Sách Cỏ cho Ngài KOMBOUNYASITH – Cục trưởng Cục trồng trọt Lào,
Cục Phó và Giám đốc Sở Quy chế Lào (từ phải sang)*



SPC đến thăm và làm việc tại Trung tâm nghiên cứu Lúa Gạo tại Viêng Chăn, Lào



SPC tổ chức Hội thảo giới thiệu sản phẩm cho Đại lý
tại tỉnh Xiangkhouang, Bắc Lào



SPC tổ chức Hội thảo giới thiệu sản phẩm cho Đại lý
tại tỉnh Xiangkhouang, Bắc Lào



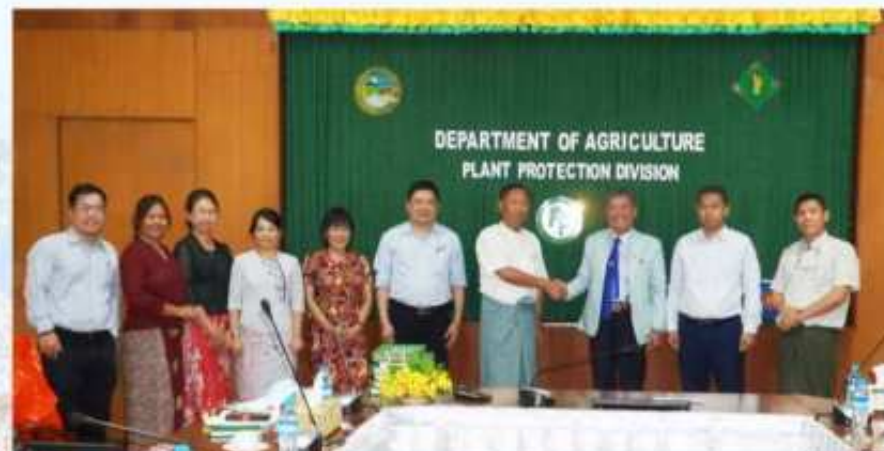
Lễ khai trương chi nhánh Myanmar, ngày 17/07/2017



Bà: Lê Thị Phụng – Chủ tịch HĐQT Phát biểu khai mạc
Lễ ra mắt Chi nhánh Myanmar, ngày 17/07/2017



Ông: Nguyễn Quốc Dũng – Giám đốc điều hành SPC
tặng Sách cổ cho Ngài U ZAW LIN – Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật Myanmar



Ông: Nguyễn Quốc Dũng – Giám đốc điều hành SPC trong buổi gặp và làm việc với
Ngài U ZAW LIN – Cục trưởng và các Phòng tại Cục Bảo vệ thực vật Myanmar



Ông: Nguyễn Quốc Dũng – Giám đốc điều hành SPC
đến thăm và làm việc với Công ty Asian Crops tại Myanmar



Ông: Nguyễn Quốc Dũng – Giám đốc điều hành SPC
đến thăm và làm việc với Công ty Akari Min tại Myanmar



Ông: Nguyễn Quốc Dũng – Giám đốc điều hành SPC
đến thăm và làm việc với Công ty Shwe Dar tại Myanmar



Ông: Nguyễn Quốc Dũng – Giám đốc điều hành SPC
đến thăm và làm việc với Công ty Magike tại Myanmar



Ông: Nguyễn Quốc Dũng – Giám đốc điều hành SPC
đến thăm và trao tặng sản phẩm mới đến các khách hàng tại Campuchia T2.2024



Trụ sở Xí nghiệp Bảo vệ Thực Vật Sài Gòn





CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY



THUỐC TRỪ SÂU

Osago 80WG






ĐẶC TRỊ CÔN TRÙNG CHÍCH HÚT
BỘ PHẤN, RẦY, RẦY CHỔNG CÁNH

SPC Xanh. Thêm Xanh



BỘ SẢN PHẨM PHÒNG TRỊ
SÂU ĐÀU ĐEN HẠI DỪA





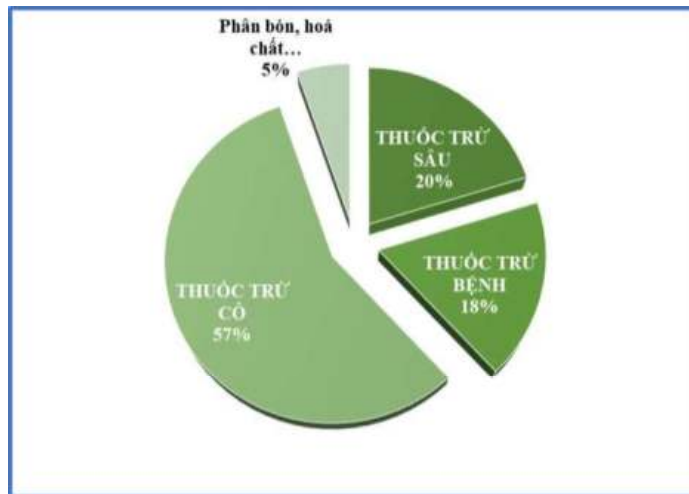






Pha cùng 1 hoặc 2 sản phẩm để tăng hiệu quả phòng trừ

CƠ CẤU SẢN PHẨM CỐT LÕI NĂM 2024



Thuốc trừ bệnh: Là nhóm sản phẩm phụ thuộc vào tình hình thời tiết nhất, theo đó doanh số cũng chuyển biến theo tình hình dịch bệnh trong năm. Trong năm 2024, doanh số nhóm thuốc trừ bệnh chỉ chiếm khoảng 18%.



Thuốc trừ cỏ: do thị trường thuốc trừ cỏ tương đối ổn định, ít phụ thuộc vào yếu tố thời tiết nên cũng như một số Công ty khác trong ngành thì nhóm thuốc trừ cỏ của SPC chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản phẩm của Công ty với 57%.



Thuốc trừ sâu: nhóm sản phẩm thuốc trừ sâu phụ thuộc khá nhiều vào tình hình thời tiết, doanh số nhóm thuốc trừ sâu chiếm khoảng 20%.



VĂN HÓA CÔNG TY



Tâm nhìn và Sứ mạng

Tâm nhìn

Trở thành Công ty dịch vụ Nông nghiệp nhiệt đới hàng đầu, nơi tiên phong ứng dụng các phát minh và công nghệ mới.

Sứ mạng

Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chất lượng, thỏa mãn ước vọng vì một nền nông nghiệp xanh và bền vững.

Các giá trị cốt lõi và những nguyên tắc cơ bản

Thành tựu

Sự thỏa mãn khách hàng, người lao động, cộng đồng và các cổ đông là cơ sở của việc đánh giá những thành tựu của chúng tôi.
Chúng tôi luôn biết trân trọng những thành tựu của mình và niềm vinh dự, tự hào của chúng tôi đến từ những thành tựu của chúng tôi.

- Thông qua những thành tựu, chúng tôi được nhận biết, được tôn trọng bởi các đối tác, bởi cộng đồng và các cổ đông.
- Những thành tựu mà chúng tôi đạt được mang lại những lợi ích thỏa đáng cho khách hàng của chúng tôi, các cổ đông của chúng tôi, những người lao động của chúng tôi và cộng đồng.

Đồng đội

Làm việc đồng đội là cách thức để chúng tôi thỏa mãn tốt các nhu cầu và mong đợi của khách hàng.

- Chúng tôi làm việc đồng đội trong từng đơn vị, giữa các đơn vị, với các đối tác bên ngoài và với khách hàng để thực hiện với chất lượng cao nhất những cam kết của chúng tôi.

- Không có người chiến thắng trong đội thất bại và cũng sẽ không có người thất bại trong đội thành công.
- Chúng tôi là một gia đình lớn trong đó các thành viên tin cậy, tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau.

Chuyên nghiệp

Chuyên nghiệp thể hiện ở chất lượng công việc cao. Tinh chuyên nghiệp đòi hỏi trách nhiệm cá nhân, sự dẫn thân và những phương pháp làm việc hiệu quả.

- Chúng tôi luôn tận tâm cao với công việc và với đồng sự với một ý chí vượt qua mọi thách thức. Hành động của mỗi người chúng tôi luôn thể hiện các tiêu chuẩn nghề nghiệp cao.
- Chúng tôi chịu trách nhiệm với những kết quả làm việc của mình. Chúng tôi luôn kiên trì và

làm việc hết mình để thực hiện tốt những cam kết nhằm thỏa mãn những yêu cầu và mong muốn của khách hàng.

- Chúng tôi mở rộng tự chủ để bảo đảm sử dụng các nguồn lực với hiệu suất cao nhất cho việc thực hiện tốt các công việc và những cam kết với khách hàng. Các thành viên trong toàn Công ty được trao quyền để tự do làm những điều đúng.

Đổi mới

Liên tục hoàn thiện, phát triển, và đổi mới là cách thức để chúng tôi hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng, và đam mê của mình. Chúng tôi luôn cố gắng học tập, nghiên cứu, và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng.

- Chúng tôi nuôi dưỡng những ước mơ, khát vọng, và những đam mê về một nền Nông Nghiệp xanh và bền vững, và những giá trị gia

tăng ngày càng cao cho những khách hàng của chúng tôi.

- Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Mỗi người chúng tôi thường xuyên học tập và phát triển để hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng, và những đam mê của chúng tôi.
- Thông qua học tập, nghiên cứu, và phát triển, chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho Công ty.



MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC

1. Tạo sự gắn bó, trung thành của khách hàng

- Duy trì và thâm thấu sâu vào thị trường hiện tại: tạo ra sự thỏa mãn và sự trung thành của khách hàng với Công ty.
- Sử dụng danh tiếng và sức mạnh của hệ thống hiện tại mở rộng sang những thị trường mới.
- Phát triển các chiến lược phát triển Thị trường - Sản phẩm phù hợp với từng thị trường trong từng giai đoạn.

2. Phản ứng nhanh với thông tin và thị trường

- Phát triển hệ thống hoạch định, dự báo và thông tin thị trường, cạnh tranh: về sản xuất, sản phẩm, nguyên vật liệu và khách hàng.
- Theo dõi chặt chẽ những biến động của môi trường kinh doanh.

3. Nâng cao năng lực sản xuất và kinh doanh

- Đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất.
- Phát triển ứng dụng các sản phẩm của Công ty trên cơ sở khai thác những khả năng quan hệ hợp tác với các đối tác để chuyển giao công nghệ.
- Phát huy tối đa hiệu quả của việc sử dụng nguồn lực cho các nhu cầu phát triển.
- Xây dựng và phát triển các liên minh chiến lược cho sự phát triển bền vững và cùng có lợi.

4. Nâng cao năng lực của hệ thống quản lý

- Phát huy tính năng động sáng tạo của toàn thể hệ thống.
- Xây dựng cơ chế hợp tác và phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị và các cá nhân.
- Xây dựng hệ thống mở, huy động tốt nguồn lực trong Công ty và xã hội.
- Tối đa hóa việc sử dụng các nguồn lực sẵn có của Công ty và khai thác có hiệu quả các nguồn vốn trong xã hội cho sự phát triển của Công ty.
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.



PHÂN TÍCH SWOT

- SPC là doanh nghiệp thuộc hàng đầu của ngành, thương hiệu lâu năm trên thị trường thuốc BVTV, là người bạn thân thiết của bà con nông dân.

- Hệ thống phân phối rộng khắp gồm các chi nhánh, 01 trạm dịch vụ, gần 700 đại lý; chi nhánh Lào, Campuchia, Myanmar.

- Nhận được ưu đãi của các nhà cung cấp về giá cả và thời hạn thanh toán.

ĐIỂM MẠNH
CƠ HỘI

- Tiềm năng tăng trưởng ngành còn rất lớn. Ngành nông nghiệp là trụ cột của nền kinh tế Việt Nam.

- Xu hướng gia tăng đầu tư vào nông nghiệp của các doanh nghiệp lớn, gia tăng nhu cầu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

- Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, thúc đẩy nông nghiệp phát triển.

- Phần lớn nguyên liệu phải nhập khẩu, do đó chịu ảnh hưởng lớn bởi biến động tỷ giá và lãi suất.

- Tiêu thụ thuốc BVTV phụ thuộc vào diện tích đất cho nông nghiệp, diễn biến dịch bệnh theo từng mùa vụ; đặc biệt là tình hình biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán.

- Năng lực tài chính còn hạn chế, chưa tương ứng với quy mô, năng lực và tiềm năng để phát triển.

ĐIỂM YẾU
THÁCH THỨC

- Cạnh tranh trong ngành thuốc BVTV gay gắt, bảo hộ thương mại gia tăng.

- Quy định pháp luật ngày càng chặt chẽ về tiêu chuẩn chất lượng thuốc bảo vệ thực vật, môi trường.

- Pháp lý, chi phí đầu vào còn cao, năng suất thấp; yêu cầu số hóa và xanh hóa ngày càng cao.

S.W.O.T



TỔ CHỨC và NHÂN SỰ CỔ ĐÔNG



LÃNH ĐẠO CÔNG TY GIAI ĐOẠN 1989 ĐẾN NAY

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 1) Ông: Trương Huy Hoàng Tam Dũng – Chủ tịch HĐQT
Giai đoạn 2008–2011
- 2) Bà: Phó Nam Phương – Chủ tịch HĐQT
Giai đoạn 2011–2012
- 3) Ông: Dương Minh Quang – Chủ tịch HĐQT
Giai đoạn 2012–2015
- 4) Bà: Nguyễn Thị Hồng Ánh – Chủ tịch HĐQT
Giai đoạn 2015–2016
- 5) Bà: Lê Thị Phương – Chủ tịch HĐQT
Giai đoạn 2017–2023
- 6) Ông: Võ Anh Tùng – Chủ tịch HĐQT
Giai đoạn 2023 đến nay
- 7) Ông: Tống Xuân Phú – Phó Chủ tịch HĐQT
Giai đoạn 2023 đến nay

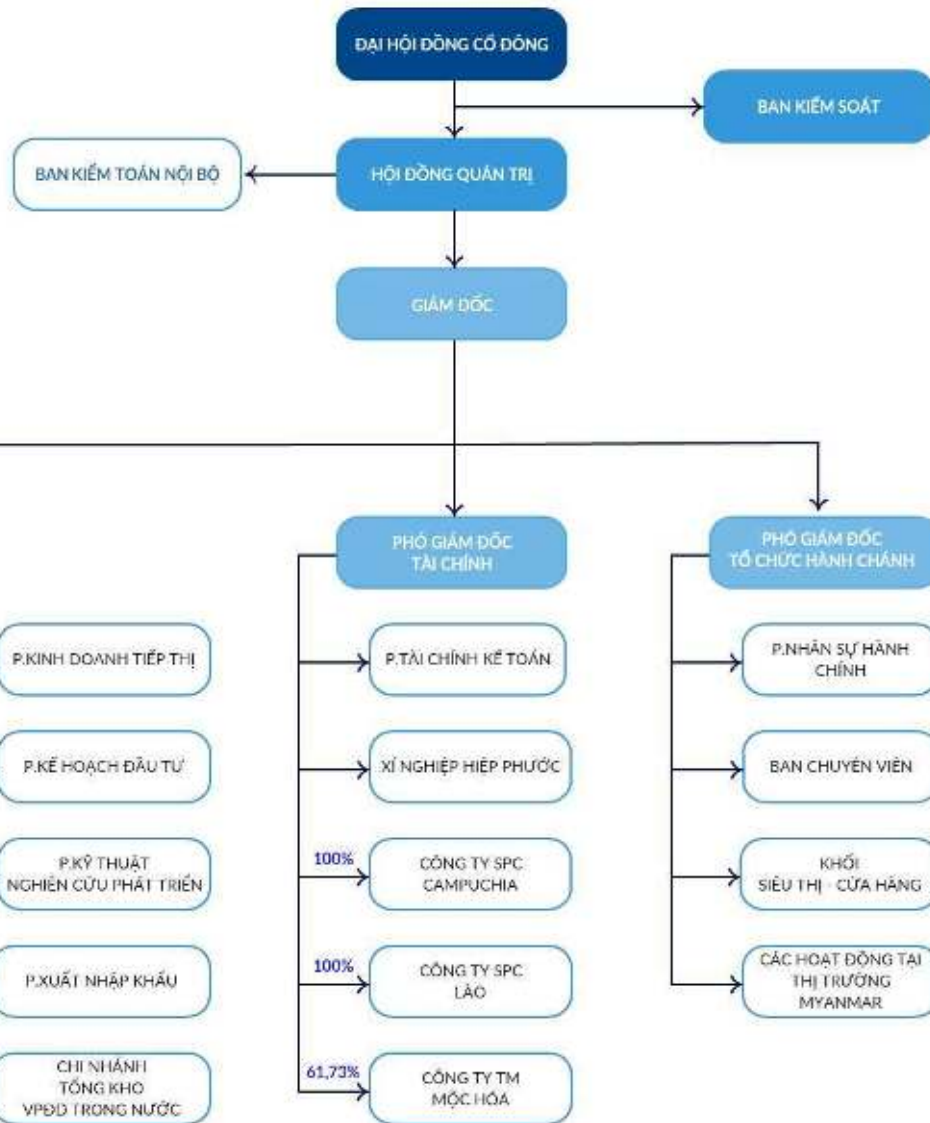
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

- 1) Ông: Nguyễn Văn Nửa
Quyền Giám đốc Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn
Giai đoạn 1989–1992
- 2) Bà: Lê Thị Bích Liễu
Giám đốc Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn
Giai đoạn 1992–1999
- 3) Ông: Trương Huy Hoàng Tam Dũng
Giám đốc Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn
Giai đoạn 1999–2010
- 4) Bà: Nguyễn Thị Hồng Ánh
Giám đốc Công ty Cổ phần BVTV Sài Gòn
Giai đoạn 2010–2015
- 5) Ông: Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc Công ty Cổ phần BVTV Sài Gòn
Giai đoạn 2015 đến nay

PHÓ GIÁM ĐỐC

- 1) Ông: Nguyễn Văn Nửa
PGĐ phụ trách sản xuất – Giai đoạn 1992–1998
- 2) Ông: Bùi Văn Thống
PGĐ phụ trách sản xuất – Giai đoạn 1998–2007
- 3) Ông: Trương Huy Hoàng Tam Dũng
Phó giám đốc – Giai đoạn 1996–1999
- 4) Ông: Nguyễn Xuân Tiến
PGĐ phụ trách đầu tư, NSHC – Giai đoạn 2008–2011
- 5) Bà: Nguyễn Thị Hồng Ánh
PGĐ phụ trách tài chính – Giai đoạn 2005–2008
PGĐ thường trực – Giai đoạn 2008–2010
- 6) Ông: Yeo Joo Hua
PGĐ kinh doanh trong nước, nước ngoài, XNK
– Giai đoạn 2004–2009
PGĐ Kinh doanh nước ngoài, XNK – Giai đoạn 2009–2011
- 7) Ông: Nguyễn Quốc Dũng
PGĐ kinh doanh trong nước – Giai đoạn 2009–2015
- 8) Ông: Hà Quốc Cường
PGĐ phụ trách khối SX và Nông trại – Giai đoạn 2012–2015
- 9) Bà: Nguyễn Ngọc Bích
Phó giám đốc – Giai đoạn 2013–2023
- 10) Ông: Điều Quang Trung
Phó giám đốc – Giai đoạn 2015 đến nay
- 11) Bà: Bùi Thị Ánh Tuyết
Phó giám đốc – Giai đoạn 2023 đến nay

CƠ CẤU QUẢN TRỊ



Công ty con, liên kết	Địa chỉ	HDKD chính	VĐL thực góp
Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn - Lào	Km 21, street 13, Ban Phatthanahoase, Bachieng District, ChamPaSak Province, Lao PRD.	Kinh doanh ngành nông nghiệp	19.332.237.752 đ
CTCP BVTV Sài Gòn - Cambodia	225GB, St. Vithyalay, Sk. Chrouy Changwa, Kh. Russeykeo, Phnom Penh.	Kinh doanh ngành nông nghiệp	1.895.355.000 đ
CTCP Thương mại Mộc Hóa	72 Trần Hưng Đạo, KP1, P1, Thị xã Kiến Tường, Long An.	Kinh doanh ngành nông nghiệp	9.856.800.000 đ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông: VÕ ANH TÙNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Hành chính Nhà nước; CN Kinh tế Thủy sản, CN Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0
Chức vụ đảm nhiệm: Chủ tịch HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- 07/1998 - 05/2005: Phó Bí thư Quận đoàn, Chủ tịch Hội đồng đội Quận.
- 05/2005 - 12/2008: Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Trưởng Khối Dân vận Đảng ủy, Bí thư Chi bộ.
- 12/2008 - 05/2013: Bí thư Chi bộ, Phó trưởng Phòng Kinh tế
- 05/2013 - 10/2014: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 1, quận 8
- 10/2014 - 07/2020: Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, Phó trưởng ban Tổ chức Đảng ủy TCT Nông Nghiệp Sài Gòn
- 07/2020 - 3/2022: Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, Trưởng ban Tổ chức Đảng Ủy, Giám đốc Tổ chức - Nhân sự TCT Nông Nghiệp Sài Gòn
- 11/2021 - nay: Ủy viên Ban thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Đảng ủy, Phó Tổng Giám đốc TCT Nông Nghiệp Sài Gòn.
- Từ 04/2023: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

➤ Quốc tịch: Việt Nam



Ông: TÔNG XUÂN PHÚ
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán
Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0
Chức vụ đảm nhiệm: Phó chủ tịch HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- 05/1993 – 09/2002: Kế toán Công ty XNK Nông lâm hải sản TP.HCM
- 10/2002 – 12/2002: Kế toán tại TCT Nông nghiệp Sài Gòn
- 01/2003 – 03/2007: Kế toán trưởng, kiêm Trưởng phòng nghiệp vụ Xí nghiệp Thức ăn chăn nuôi An Phú
- 04/2007 – 09/2013: Phó trưởng phòng nghiệp vụ Công ty Chăn nuôi và Chế biến Thực phẩm Sài Gòn
- 10/2013 – 12/2015: Kế toán trưởng Công ty Chăn nuôi và Chế biến Thực phẩm Sài Gòn.
- 01/2016 – 08/2019: Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy, Phó GD Công ty Chăn nuôi và Chế biến Thực phẩm Sài Gòn.
- 09/2019 – 03/2021: Phó Giám đốc Tài chính – Kế toán TCT Nông nghiệp Sài Gòn.
- 03/2020 – 08/2024: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thực phẩm Gò Vấp.
- 04/2021 – nay: Trưởng BKS nội bộ TCT Nông nghiệp Sài Gòn.
- 01/2020 – 04/2021: Bí thư Chi bộ Phòng TC – KT – KSV Tổng Công ty.
- 05/2021 – nay: Bí thư Chi bộ Kiểm soát nội bộ - Pháp chế Tổng Công ty.
- Từ 04/2023: Phó chủ tịch HĐQT CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.
- Từ 03/2025: Bí thư Đảng bộ CTCP Bảo vệ thực vật Sài Gòn

➤ Quốc tịch: Việt Nam



Ông: NGUYỄN QUỐC DŨNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, Thạc sĩ Luật Quốc tế, Luật sư thuộc đoàn Luật sư TP.HCM, Cao cấp Lý luận chính trị.
Học hàm: Phó Giáo sư
Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.190
Chức vụ đảm nhiệm: Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành SPC, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội DN SX&KD thuộc BVTN Việt Nam (VIPA)

Quá trình công tác:

- 1983 - 1986: Xã viên HTX Mạnh Trúck XK Trường Sơn.
- 03/1986 - 09/1989: Đi nghĩa vụ quân sự tại trung đoàn Gia Định, Chiến đấu tại chiến trường Campuchia.
- 10/1989 - 10/1990: Học viên Trường Kỹ thuật Công Nhân đường số 4 tại Hóc Môn.
- 11/1990 - 07/1993: Lái xe cho tư nhân, học trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
- 07/1993 - 09/1994: NV Lái xe XN Thuộc Trừ Sầu Sài Gòn.
- 10/1994 - 11/2000: NV Kinh doanh Công ty Thuộc Trừ Sầu Sài Gòn.
- 11/2000 - 09/2003: Phó Trạm, Phụ trách Trạm Bảo vệ Thực vật - Công ty Thuộc Trừ Sầu Sài Gòn.
- 09/2003 - 08/2008: Phó phòng Marketing Công ty Thuộc Trừ Sầu Sài Gòn, Công ty TNHH 1 TV Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.
- 09/2008 - 08/2009: TP. Kế hoạch Kinh Doanh Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.
- 09/2009 - 03/2015: Phó Giám Đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh Tiếp thị - CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.
- Từ 24/04/2015: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực vật Sài Gòn
- Từ 25/04/2015: Giám Đốc điều hành Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

➤ Quốc tịch: Việt Nam



Ông: VÕ VĂN NGHỊ
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP

Trình độ chuyên môn: Trung cấp Nông nghiệp
Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0
Chức vụ đảm nhiệm: Thành viên HĐQT độc lập SPC

Quá trình công tác:

- Từ 2003 – nay: Giám đốc Công ty TNHH TM Nông Phú
- Từ 04/2023: Thành viên HĐQT độc lập CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

➤ Quốc tịch: Việt Nam



Ông: HUỖNH CHÍ QUYỀN
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kế toán
Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0
Chức vụ đảm nhiệm: Thành viên HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- 01/2019 – 04/2022: Kế toán tại Công ty NEW AGE SERVICES – CANADA.
- Từ 04/2022 – Đến nay: Kế toán tại Công ty TNHH SX VÀ TM NAM LONG PHÁT – VIỆT NAM.
- Từ 04/2023: Thành viên HĐQT CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

➤ Quốc tịch: Việt Nam

BAN KIỂM SOÁT



Ông: TRẦN ĐÌNH VŨ
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Kế toán doanh nghiệp, chứng chỉ kế toán trưởng
Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 100
Chức vụ đảm nhiệm: Trưởng Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác:

- 07/2007 - 03/2009: Kế toán kho Công ty TNHH Khang Cát.
- 04/2009: Kế toán CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.
- 05/2009 - 08/2014: Kế toán trưởng SPC Lào.
- 09/2014 - 12/2014: Kế toán công nợ SPC.
- 01/2015 - 01/2016: Phụ trách kế toán Xí nghiệp BVTV Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước.
- Thành viên Ban kiểm soát SPC từ ngày 09/11/2015.
- Từ 27/01/2016: Trưởng Ban kiểm soát SPC.

➤ **Quốc tịch:** Việt Nam



Bà: ĐỖ THỊ KIM ANH
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0
Chức vụ đảm nhiệm: TV Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác:

- 9/2005 – 12/2006: Kế toán Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng Phú Quý.
- 01/2007 – 6/2009: Kế toán trưởng Công ty TNHH Sản xuất Xây Phú Quý.
- 7/2009 – 8/2013: Kế toán tổng hợp, Ủy viên ban chấp hành công đoàn, Trung tâm giống cây trồng vật nuôi Thủy sản.
- 9/2013 – 8/2017: Phó trưởng phòng kế toán, Trung tâm giống cây trồng vật nuôi Thủy sản.
- 9/2017 – 01/2020: Nhân viên Trung tâm xúc tiến Thương mại và đầu tư TP.HCM.
- 02/2020 đến 09/2022: Nhân viên phòng TCKT TCT Nông nghiệp Sài Gòn.
- 03/2022 – nay: Phó Giám đốc TCKT TCT Nông nghiệp Sài Gòn.
- Từ 22/5/2020: Thành viên Ban kiểm soát SPC.

➤ **Quốc tịch:** Việt Nam



Ông: HUỖNH VĂN HẢI
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 600
Chức vụ đảm nhiệm: TV Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác:

- 2004 - 2009: Công ty CP Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn, kế toán viên, kế toán trưởng Xí Nghiệp.
- 2009 - 2011: Công ty Cổ phần Nguyên Vũ, kế toán viên, kế toán trưởng.
- 2011 - 2018: Công ty Cổ phần Giải Pháp Nông Nghiệp Tiên Tiến, trưởng ban kiểm toán nội bộ, thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng.
- 2018 - 2020: Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Khai Thác Hàng Không Head Miền Nam, kế toán trưởng.
- 2020 - 2022: Công ty Cổ phần Địa Ốc SAIGONCONS, kế toán trưởng.
- 2022 đến nay: Công ty CP Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn, trưởng ban kiểm toán nội bộ.
- Từ 04/2023: Thành viên Ban kiểm soát SPC.

➤ **Quốc tịch:** Việt Nam

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông: NGUYỄN QUỐC DŨNG
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Luật – Luật sư thuộc đoàn Luật sư TP.HCM, Cao cấp Lý luận chính trị
Học hàm: Phó Giáo sư
Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.190
Chức vụ đảm nhiệm: TV HĐQT, Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 1983 - 1986: Xã viên HTX Mành Trúc XK Trường Sơn.
- 03/1986 - 09/1989: Đì nghĩa vụ quân sự tại trung đoàn

Gia Định, Chiến đấu tại chiến trường Campuchia.

- 10/1989 - 10/1990: Học viên Trường Kỹ thuật Công Nhân đường số 4 tại Hóc Môn.
- 11/1990 - 07/1993: Lái xe cho tư nhân, học trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
- 07/1993 - 09/1994: NV Lái xe XN Thuộc Trừ Sầu Sài Gòn.
- 10/1994 - 11/2000: NV Kinh doanh Công ty Thuộc Trừ Sầu Sài Gòn.
- 11/2000 - 09/2003: Phó Trạm, Phụ trách Trạm Bảo vệ Thực vật – Công ty Thuộc Trừ Sầu Sài Gòn.
- 09/2003 - 08/2008: Phó phòng Marketing Công ty Thuộc Trừ Sầu Sài Gòn, Công ty TNHH I TV Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.
- 09/2008 - 08/2009: TP. Kế hoạch Kinh Doanh Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.
- 09/2009 - 03/2015: Phó Giám Đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh Tiếp thị - Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.
- Từ 24/4/2015: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
- Từ 25/04/2015: Giám Đốc điều hành Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

➤ **Quốc tịch:** Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.610
Chức vụ đảm nhiệm: Phó Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 2000 - 2003: Kế toán Tổng hợp tại Công ty CP Thủy Tinh Gò Vấp.
- 2003 - 2004: Phó phòng Tư vấn & Triển Khai Công ty Diginet.
- 2004 - 2007: Kế toán Tổng hợp Công ty SPC.
- 2007 - 2008: Phó phòng Kế toán Công ty SPC.
- 2008 - 2009: Trưởng bộ phận Kế toán Công ty SPC.
- 2009 - 2011: Phụ trách phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty SPC.
- 2011 - 04/2015: Trưởng phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty SPC.
- Từ 04/2015 - nay: Phó Giám đốc Công ty SPC.

➤ **Quốc tịch:** Việt Nam



Ông: ĐIỀU QUANG TRUNG
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bà: BUI THỊ ANH TUYẾT
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính
Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0
Chức vụ đảm nhiệm: Phó Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 01/2000 - 06/2001: thư ký P. Kinh doanh Công ty TNHH Khải Nguyên.
- 07/2001 - 10/2001: NV tổng hợp sản xuất CTCP BVTV Sài Gòn.
- 11/2001 - 07/2004: NV kế toán phải thu CTCP BVTV Sài Gòn.
- 08/2004 - 06/2007: NV kế toán thanh toán CTCP BVTV Sài Gòn.
- 07/2007 - 06/2009: Kế toán trưởng Xi nghiệp BVTV Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước.
- 07/2009 - 10/2011: Trưởng bộ phận kế toán CTCP BVTV Sài Gòn.
- 11/2011 - 05/2015: Phó phòng TCKT, CTCP BVTV Sài Gòn.
- 6/2015 - 8/2017: Kế toán trưởng CTCP BVTVSG
- 9/2017 - 5/2023: Kế toán trưởng đồng thời giữ vị trí TP.TCKT CTCP BVTVSG.
- Từ 6/2023 - nay : Phó Giám đốc Công ty SPC

➤ **Quốc tịch:** Việt Nam



Bà: PHÙNG THÁI PHƯƠNG TRANG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng
Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0
Chức vụ đảm nhiệm: Kế toán trưởng SPC

Quá trình công tác:

- 1998 – 2002: Kế toán tổng hợp – Công ty Xây dựng Giao thông SàiGon.
- 07/2003 – 12/2008: Nhân viên kế toán - Công ty Thuộc trừ sầu Sài Gòn.
- 01/2009 – 07/2012: Kế toán công nợ -CTCP BVTV Sài Gòn.
- 08/08/2012 – 25/09/2012: Phụ trách Ban kiểm toán nội bộ.
- 26/09/2012 – 04/2015: Kế toán tổng hợp - CTCP BVTV Sài Gòn.
- 05/2015 – 05/2023: Phó phòng TCKT - CTCP BVTV Sài Gòn.
- Từ 06/2023 - nay: Trưởng phòng TCKT, CTCP BVTV Sài Gòn.

➤ **Quốc tịch:** Việt Nam

Chế độ làm việc

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: thời gian làm việc 07 giờ 30 phút /ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.

Chính sách đào tạo

Liên tục hoàn thiện, phát triển và đổi mới là cách thức để SPC hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng và đam mê của mình. Do đó, CBCNV của SPC luôn cố gắng học tập, nghiên cứu và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng. Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Thông qua học tập, nghiên cứu và phát triển chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho Công ty.

Do đó, đào tạo để phát triển là một chính sách rất được coi trọng tại SPC. Công ty coi đào tạo là phương thức hỗ trợ quá trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên. Do đó, mọi thành viên đều được khuyến khích nâng cao trình độ và kiến thức, dù bằng hình thức tham gia các khóa học của Công ty tổ chức hay qua các lớp bên ngoài. Đào tạo tại chỗ chiếm một vai trò quan trọng và cũng được tập trung đặc biệt. Phần lớn thành viên mới gia nhập Công ty đều được đào tạo theo phương thức một kèm một. Khi cần thiết, chúng tôi tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội tham khảo kinh nghiệm nước ngoài để trau dồi, cập nhật kiến thức.

Chính sách tiền lương, thưởng

Chính sách tiền lương, thù lao, phụ cấp của SPC được xây dựng với mục tiêu: công bằng, nâng cao hiệu quả làm việc và tăng cường sự gắn bó lâu dài của các thành viên. Mức lương và phụ cấp của SPC rất cạnh tranh trong ngành BVTV và nằm trong nhóm những doanh nghiệp sản xuất thuốc BVTV hàng đầu Việt Nam. Lương và phụ cấp được trả trên căn cứ vào vị trí công việc (mỗi vị trí đòi hỏi mức độ kiến thức, kỹ năng, độ thách thức cũng như trách nhiệm khác nhau), hiệu quả làm việc và thâm niên làm việc của nhân viên. Tất cả vị trí công việc đều được phân tích, đánh giá, chấm điểm chi tiết và xếp vào một hệ thống nhất trong toàn Công ty. Hàng năm, mức cạnh tranh của mặt bằng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc đều được Công ty sự đánh giá, xem xét và điều chỉnh phù hợp.

NHÂN SỰ

Đến ngày 31/12/2024, tổng số lao động của Công ty là 399 người với cơ cấu lao động như sau:

Yếu tố	
Số lượng nhân viên, công nhân	399 người
Theo trình độ chuyên môn	
Tiến sỹ	03 người
Cao học, Thạc sĩ	27 người
Đại học, Cao đẳng	185 người
Trung học chuyên nghiệp	15 người
Lao động phổ thông + LĐ có tay nghề	169 người





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



1 Nguyên liệu, năng lượng

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:
 - Thuốc BVTV và phân bón: 3.975 tấn/năm
- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:
 - Điện sử dụng: 680.682 kwh/năm

2 Nguồn nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng sử dụng nước:
 - Nguồn cung cấp: CTCP KCN Hiệp Phước
 - Lượng nước sử dụng trung bình 12.333m³/năm
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có



HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Hoạt động thị trường vốn xanh bao gồm các hoạt động như phát hành cổ phiếu xanh nhằm tạo ra nguồn vốn cho các doanh nghiệp thực hiện các dự án liên quan đến môi trường, phát triển xanh. Đây là một hoạt động mới, mang tính chất quan trọng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành nhằm hướng các doanh nghiệp thực hiện hoạt động sản xuất thân thiện với môi trường. Là một trong những doanh nghiệp sản xuất thuốc BVTV hàng đầu Việt Nam, SPC luôn cập nhật và tiếp thu những thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời tìm hiểu và thực hiện theo đúng các văn bản ban hành của Ủy ban nhằm hướng đến sự phát triển bền vững lâu dài của Công ty.



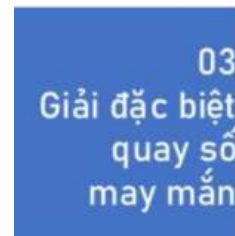
“Những thành tựu mà chúng tôi đạt được mang lại những lợi ích thỏa đáng cho khách hàng của chúng tôi, các cổ đông của chúng tôi, những người lao động của chúng tôi, và cộng đồng ở những nơi chúng tôi sống và làm việc.”



01
Mừng ngày
Quốc tế
phụ nữ 8/3



02
Kỷ niệm
35 năm
thành lập



03
Giải đặc biệt
quay số
may mắn



04
Sơ kết kinh
doanh quý



05
Hội chợ
Nghệ An



06
Tập huấn
bác sĩ
cây trồng



07
Diễn tập
PCCC



08
Mừng
sinh nhật
SPC



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Chi tiết cơ cấu cổ đông tính tới ngày 26/03/2025

Danh mục	TRONG NƯỚC		NƯỚC NGOÀI		TỔNG	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1. Cổ đông Nhà nước	6.247.020	59,33%	0	0%	6.247.020	59,33%
2. Cổ đông khác	3.329.250	31,62%	953.730	9.06%	4.282.980	40,67%
- Cá nhân	3.205.810	30,44%	953.730	9.06%	4.159.540	39,50%
- Tổ chức	123.440	1,17%	0	0%	123.440	1,17%
Tổng	9.576.270	90,94%	953.730	9.06%	10.530.000	100%

CỔ ĐÔNG LỚN SPC



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024



864 tỷ

DOANH THU

Năm 2024, doanh thu thuần đạt 864 tỷ đồng, bằng 82% so với cùng kỳ năm ngoái

-46 tỷ

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Thực hiện lỗ 46 tỷ đồng, so với cùng kỳ lỗ 38,5 tỷ đồng



TỈ SỐ TÀI CHÍNH



		2020	2021	2022	2023	2024
KHẢ NĂNG THANH TOÁN						
Thanh toán hiện thời	Tính thanh khoản, khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn	1.48	1.55	1.49	1.33	1.22
Thanh toán nhanh	Khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn bằng tiền và thu tiền bán hàng	0.60	0.49	0.47	0.69	0.39
Thanh toán lãi vay	Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh để trả lãi vay ngân hàng	6.96	5.35	3.65	-1.91	-4.28
CHỈ TIÊU CƠ CẤU VỐN						
Tổng nợ/Tổng nguồn vốn	Giá trị nợ ngắn hạn và dài hạn trong tổng nguồn vốn	63.0%	60.0%	63.0%	68.0%	72.8%
Nợ ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	Tỉ trọng nợ ngắn hạn tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại SPC	61.0%	58.0%	61.0%	66.0%	71.3%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Đòn bẩy tài chính	1.70	1.53	1.70	2.10	2.68
Vay ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	Tỉ trọng vay nợ ngân hàng so với vốn chủ sở hữu	65.0%	78.0%	82.0%	69.0%	101.1%
CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG						
Hiệu quả sử dụng tổng tài sản	1 đồng giá trị tài sản sẽ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu	1.82	1.79	1.93	1.78	1.76
Vòng quay hàng tồn kho	Hiệu quả luân chuyển hàng tồn kho trong năm	2.60	2.60	2.50	3.00	3.23
Vòng quay phải thu thuần kinh doanh	Công tác thu tiền bán hàng, tín dụng ưu đãi cho các đại lý	7.30	7.90	8.40	5.30	4.86
CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI						
Tỉ suất lợi nhuận gộp	Mức độ sinh lời và kiểm soát chi phí giá thành sản phẩm	22.3%	20.4%	22.1%	15.1%	16.8%
Tỉ suất lợi nhuận ròng	100 đồng doanh thu tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận	3.3%	2.2%	2.0%	-3.2%	-5.6%
ROE	Mức độ sinh lời so với vốn góp ban đầu của chủ sở hữu	35.1%	22.8%	23.3%	-31.5%	-45.8%
EPS	Thu nhập mỗi cổ phần, giá trị mang lại cho cổ đông	2,458	2,201	2,283	-3,180	-4,606

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

của
HĐQT, Ban điều hành,
Ban kiểm soát

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1.1. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

Năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn, thị trường tiêu thụ thuốc BVTV trầm lắng, sức mua trên thị trường giảm mạnh, tình hình thời tiết cực đoan diễn biến phức tạp, nắng nóng trên cả nước, tình trạng xâm nhập mặn diễn biến phức tạp tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, mưa lũ ở miền Bắc và đặc biệt là cơn bão Yagi gây thiệt hại nặng nề đến các địa phương phía Bắc, nhiều diện tích canh tác nông nghiệp đã hư hại nặng do tác động tàn phá của bão và lũ lụt đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất nông nghiệp dẫn đến thị trường thuốc BVTV sụt giảm đã ảnh hưởng rất lớn đến doanh số bán hàng của Công ty.

Bên cạnh đó, tình hình cạnh tranh của các đơn vị cùng ngành càng gay gắt, cạnh tranh từ chính sách bán hàng đến chính sách thu tiền. Vấn nạn hàng lậu, hàng nhái, hàng giả bùng phát mạnh, sự cạnh tranh không lành mạnh của các doanh nghiệp nhỏ cùng ngành, cùng với xu thế chuyển đổi phương thức mua hàng của người dùng từ truyền thống những năm trước đây sang mua bán online, thương mại điện tử, giao hàng trực tiếp ít nhiều ảnh hưởng đến khả năng ra hàng của đại lý và hệ thống phân phối của Công ty.

Trong bối cảnh tình hình kinh doanh không thuận lợi và thị trường gặp nhiều khó khăn Công ty phải nỗ lực nhiều hơn, cố gắng duy trì bộ máy hoạt động và củng cố bộ máy bán hàng để tăng doanh số, triển khai các chính sách bán hàng linh hoạt hơn, tổ chức nhiều đợt công tác để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc tại các chi nhánh, đại lý, do đó chi phí hoạt động vẫn phải phát sinh trong khi sản lượng, doanh thu tiêu thụ không đạt kế hoạch nên lãi gộp không bù đắp đủ chi phí hoạt động, chi tiết như sau:

- *Doanh thu thuần hợp nhất: thực hiện 863,69 tỷ đồng, đạt 72,11% kế hoạch năm, và bằng 82,41% so cùng kỳ năm trước.*
- *Lợi nhuận trước thuế: thực hiện lỗ 45,94 tỷ đồng, so cùng kỳ lỗ 38,5 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế lỗ 48,18 tỷ đồng, so cùng kỳ lỗ 33,13 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ lỗ 48,49 tỷ đồng, so cùng kỳ lỗ 33,48 tỷ đồng.*





Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH/KH
Doanh thu thuần (hợp nhất)	1.197.800.000.000	863,686,430,659	72.11%
Lợi nhuận trước thuế	22.400.000.000	-45,942,452,933	
Lợi nhuận sau thuế	21.920.000.000	-48,188,126,678	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán

1.2. Các hoạt động của HĐQT trong năm 2024:

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, năm 2024 vừa qua, HĐQT đã thực hiện tốt các công việc trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ một cách cẩn trọng, công khai và minh bạch. Các thành viên Hội đồng quản trị cam kết hoàn thành trách nhiệm của mình trong việc tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị cũng như đưa ra các quyết định kịp thời cho việc triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các hoạt động của Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của cổ đông, đối tác, cộng đồng và quyền lợi của người lao động; đồng thời củng cố nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

Ngoài ra, HĐQT cũng đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong các hoạt động nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; đồng thời đảm bảo sự tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật trong hoạt động của Công ty.

Việc công bố thông tin của HĐQT được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 Công ty tiếp tục gặp nhiều trở ngại khó khăn, HĐQT chủ động tổ chức thực hiện nghiêm các cuộc họp định kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất theo yêu cầu công việc để tổ chức phân tích, đánh giá các nguyên nhân, hạn chế, yếu kém, các giải pháp khắc phục để Công ty vượt qua các khó khăn trong quá trình hoạt động. Đảm bảo yêu cầu về cơ cấu số lượng thành viên Hội đồng quản trị, số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Duy trì hoạt động thường xuyên thông qua nhiều hình thức như họp định kỳ, lấy ý kiến bằng văn bản, trao đổi bằng điện thoại, email... nhằm thông tin kịp thời đầy đủ tình hình hoạt động Công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm theo đúng Điều lệ và Quy chế của Công ty. Các cuộc họp được tổ chức theo đúng quy định; các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận rất lớn của người lao động trong toàn Công ty, theo đó HĐQT đã thông qua một số nội dung chính như sau:

- Triển khai và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng qui định.
- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh hàng quý, đánh giá hiệu quả điều hành của Ban giám đốc, hoạt động Ban kiểm soát, những tồn tại, vướng mắc chưa giải quyết được.
- Xem xét và thông qua các tờ trình, đề xuất của Ban điều hành nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị được thuận lợi, hiệu quả.
- Cùng Ban điều hành giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.



1.3. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024

Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với kết quả như sau:

- Kết quả kinh doanh năm 2024: doanh thu thuần đạt 72.11% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế lỗ 45,94 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế lỗ 48,19 tỷ đồng, không hoàn thành kế hoạch được giao.
- Sửa đổi, điều chỉnh, ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động SPC, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Không thực hiện chia cổ tức cho cổ đông và chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS.
- Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024: đã lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.



1.4. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành:

Căn cứ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Giám đốc, người điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty thông qua các cuộc họp định kỳ tháng, hoặc họp bất thường trong trường hợp có công việc quan trọng, khẩn cấp cần giải quyết. Các nội dung giám sát cụ thể như sau:

- Giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo niên vụ 2023 – 2024, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động tại Công ty Mẹ, Công ty con và các đơn vị trực thuộc.
- Giám sát công tác quản lý nợ phải thu, nợ phải trả, giám sát tình hình quản lý hàng tồn kho và kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh và tồn đọng.
- Giám sát tình hình tài chính Công ty.

Trong năm qua, Ban điều hành đã thực hiện báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT và công tác quản lý tài chính để đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện cơ bản đầy đủ các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan quản lý, báo cáo xin ý kiến HĐQT đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT,



thực hiện công bố thông tin đúng quy định, quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Công tác triển khai các phương án sản xuất kinh doanh của Ban điều hành còn nhiều hạn chế yếu kém chưa phù hợp với tình hình thực tế đơn vị và các vấn đề phát sinh mới của thị trường dẫn đến thua lỗ không hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao.

1.5. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

a. Về giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên:

- + Trong năm 2024 không phát sinh.
- + SPC có khoản vay nợ ngắn hạn 54.000.000 đồng với Ông Nguyễn Quốc Dũng là thành viên HĐQT phát sinh từ trước năm 2015, trả lãi 8% trong năm 2024.

b. Về giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty/	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	CTCP Thương mại Mộc Hoá (MJC)	- Công ty con. - Ông Điều Quang Trung PGĐ Công ty, Chủ tịch HĐQT MJC. - Ông Điều Quang Trung không sở hữu cổ phiếu MJC.	1100496986 30/11/2018 Sở KHĐT tỉnh Long An	72 Trần Hưng Đạo, Khu phố 1, Phường 1, Thị Xã Kiên Tường, Long An.	2024	-Giá trị SPC mua hàng 108.337.500 đồng (bao gồm các sản phẩm thuốc BVTV...) -Giá trị SPC thuê đất ruộng 93.500.000 đồng -Giá trị SPC bán hàng 1.292.308.505 đồng (bao gồm các sản phẩm thuốc BVTV...) -Chi phí quản lý 11.769.683 đồng -Doanh thu tài chính 591,408,000 đồng (lợi nhuận MJC chuyển về SPC)
2	Công ty TNHH SX & TM Nam Long Phát	TV HĐQT Huỳnh Chí Quyền – Con trai ông Huỳnh Đức là Chủ tịch, kiêm Giám đốc Công ty Nam Long Phát	110079874 02/07/2001 Sở KHĐT Long An	Km 1929 Ấp Long Bình, Quốc Lộ 1A, X. Long Hiệp, H. Bến Lức, Long An	2024	-Giá trị SPC mua hàng 14.038.930.270 đồng (bao gồm các sản phẩm thùng giấy, chai thuốc, nhãn mác...)
3	Công ty TNHH TM Nông Phú	TV HĐQT độc lập Võ Văn Nghị - Giám đốc Công ty Nông Phú	0302854618 14/02/2003 Sở KHĐT TP.HCM	89/4K Đường Tân Thới Nhì 2, Ấp Dân Thắng 2, Xã Tân Thới Nhì, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	2024	-SPC chi cổ tức 9.750.000 đồng (Chi cổ tức năm 2022) -Giá trị SPC bán hàng 733.894.483 đồng (bao gồm các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật...) -Chi phí bán hàng 147.940.769 đồng



1.6. Nhận xét đánh giá:

Nhìn chung, trong năm 2024, hoạt động của HĐQT luôn được duy trì ổn định trên cơ sở phát huy tối đa trí tuệ tập thể, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, dân chủ và sự đồng thuận của các thành viên HĐQT.

Trong năm 2024, với tình hình thị trường thuốc bảo vệ thực vật tiếp tục gặp nhiều khó khăn, HĐQT đưa ra những định hướng, chiến lược mới trong công tác điều hành SXKD để phù hợp với tình hình diễn biến nhanh của thị trường và khả năng hiện tại của SPC. SPC đã thành lập các chiến lược đi vào chiều sâu, chú trọng tính hiệu quả nhằm hoàn thiện bộ máy và hệ thống kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động của các kênh bán hàng, việc tăng cường kiểm tra, kiểm soát cũng luôn được quan tâm thực hiện. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của hậu quả từ hoạt động kinh doanh không hiệu quả (giá nguyên liệu giảm mạnh, giá bán giảm, tồn kho tại đại lý nhiều) và các chính sách kích cầu năm 2023 có nhiều thiếu sót, cùng với khả năng và năng lực tài chính có hạn, công tác triển khai điều hành thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 còn nhiều hạn chế yếu kém nên tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024 tiếp tục thua lỗ hơn năm 2023.





2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm 2024, thành viên độc lập Hội đồng quản trị có nhận định chung sau:

- Năm 2024 do ảnh hưởng của tình hình thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng kéo dài, xâm mặn xảy ra trên diện rộng làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh hết sức khó khăn. Tuy vậy, Hội đồng quản trị đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, mở rộng thị trường, đầu tư công nghệ và xây dựng hệ thống quản lý đều được HĐQT thường xuyên xem xét và đánh giá trong các cuộc họp.
- Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều được triệu tập kịp thời, trình tự thủ tục tuân thủ theo đúng Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Nội dung các cuộc họp đều được các thành viên thảo luận và thận trọng đưa ra các định hướng, giải pháp có lợi nhất cho Công ty.
- Hội đồng quản trị có tất cả 05 thành viên, trong đó, có 01 thành viên độc lập. Toàn bộ thành viên HĐQT tham gia tích cực vào các hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ, phân biện chiến lược và đảm bảo tuân thủ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2.1. Về việc tổ chức các cuộc họp HĐQT

-Trong năm 2024 Hội đồng quản trị tổ chức 12 cuộc họp bao gồm họp tập trung và lấy ý kiến thành viên bằng văn bản. Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu chu đáo, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và của Điều lệ Công ty, Quy chế về quản trị nội bộ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, phân biện, đánh giá đầy đủ và cẩn trọng để đưa ra những định hướng giải pháp tốt nhất cho Công ty.

-Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý, mở rộng thị trường, đầu tư công nghệ, phát triển nhân lực ... đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ giữa HĐQT và Ban Giám đốc.

-Các thay đổi về kế hoạch, chiến lược mới đều được nghiên cứu độc lập, tiếp cận thực tế và có phân biện trong HĐQT và với Ban Giám đốc.

-HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung, có đầy đủ các thành viên HĐQT, BDH, Ban Kiểm soát tham gia, có biên bản họp sau khi kết thúc, những cuộc họp lấy ý kiến các thành viên đều được thực hiện đúng trình tự, đúng quy chế và phù hợp với Điều lệ



Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ, có đầy đủ chữ ký theo quy định.



2.2. Về việc giám sát hoạt động Ban Giám Đốc

-Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban Giám đốc, Giám đốc Công ty là thành viên Hội đồng quản trị nên việc đảm bảo hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ để đi đúng định hướng chiến lược và điều chỉnh các quyết định kịp thời khi thực tiễn yêu cầu.

-Thành viên HĐQT giữ các chức danh Giám đốc cùng các thành viên khác trong Ban Giám đốc đã thường xuyên tham các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT. Các hoạt động của các thành viên này luôn được báo cáo kịp thời để các hoạt động luôn thực hiện theo đúng tinh thần Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

-Ban Giám đốc chủ động báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các phương hướng để đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất.

-HĐQT đặc biệt quan tâm đến các giải pháp quản trị rủi ro, nhằm hỗ trợ Ban Giám đốc nhận diện sớm các vấn đề và giúp Công ty duy trì tính bền vững, ổn định trong hoạt động, bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư.

**2.3. Kết quả giám sát đối với các báo cáo tài chính**

- Báo cáo tài chính được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và quy định của pháp luật.
- Công ty kiểm toán được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, tuân thủ thời gian kiểm toán, đảm bảo tính độc lập, tuân thủ các quy định.

2.4. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

Công ty đã tuân thủ quy định có liên quan về các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan. Các giao dịch này đã được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

2.5. Kết luận

Hội đồng quản trị đã hoạt động theo đúng với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết và Quyết định kịp thời, định hướng các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng các Nghị Quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Tuy năm 2024 tình hình hoạt động kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn nhưng Hội đồng quản trị đã phối hợp với BĐH Công ty có nhiều giải pháp hiệu quả, kịp thời giúp Công ty phần nào vượt qua những khó khăn. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị thực hiện tốt việc kiểm soát, giám sát đảm bảo các hoạt động của Công ty đều được tuân thủ theo pháp luật.

Hội đồng quản trị đã đưa ra định hướng, lãnh đạo Công ty thực hiện tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, giữ thu nhập ổn định cho người lao động, cùng Ban Giám đốc triển khai các hoạt động văn hoá bền vững của doanh nghiệp.

**Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2024**

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ- BVTVSG - HĐQT	01/02/2024	Bổ nhiệm Cán bộ quản lý: Trưởng phòng Kinh doanh tiếp thị, Trưởng phòng XNK, Giám đốc Chi nhánh Vĩnh Long, Quyền Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai.
2	02/NQ- BVTVSG - HĐQT	01/02/2024	Thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
3	03/NQ- BVTVSG - HĐQT	15/04/2024	Thông qua thời gian, tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 MJC.
4	04/NQ- BVTVSG - HĐQT	15/04/2024	Điều chỉnh thời gian tổ chức ĐHĐCĐ năm 2024 SPC.
5	05/NQ- BVTVSG - HĐQT	24/04/2024	Thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người liên quan.
6	06/NQ- BVTVSG - HĐQT	06/05/2024	Thông qua Quy chế kiểm toán nội bộ.
7	07/NQ- BVTVSG - HĐQT	06/05/2024	Thông qua thời gian, địa điểm ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
8	11/NQ- BVTVSG - HĐQT	04/06/2024	Thông quan hạn mức tín dụng các Ngân hàng năm 2024.
9	12/NQ- BVTVSG - HĐQT	04/06/2024	Thông qua chủ trương phê duyệt đầu tư máy nghiền SC công nghiệp, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 4 tháng đầu năm và phương hướng 8 tháng cuối năm 2024, các báo cáo, tờ trình trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
10	13/NQ- BVTVSG - HĐQT	04/06/2024	Thông qua hạn mức tín dụng NH Agribank năm 2024.
11	14/NQ- BVTVSG - HĐQT	04/06/2024	Thông qua hạn mức tín dụng NH BIDV năm 2024..
12	17/NQ- BVTVSG - HĐQT	03/07/2024	Thông qua việc chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.
13	18/NQ- BVTVSG - HĐQT	03/07/2024	Chuyển đổi hình thức bảo đảm HMTD có thể chấp tài sản tại BIDV - CN Sài Gòn.
14	20/NQ- BVTVSG - HĐQT	08/08/2024	Thông qua kế hoạch tài chính lợi nhuận niên vụ 2023-2024; báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024.
15	22/NQ- BVTVSG - HĐQT	24/09/2024	Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024
16	24/NQ- BVTVSG - HĐQT	18/10/2024	Vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp đảm bảo tại Ngân hàng Ngoại thương - CN TPHCM.
17	26/NQ- BVTVSG - HĐQT	18/10/2024	Hạn mức tín dụng năm 2024 tại NH Công thương Chi nhánh 1-TPHCM.
18	28/NQ- BVTVSG - HĐQT	14/11/2024	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2024 và phương hướng 3 tháng cuối năm 2024.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY



**Chất lượng tạo nên
Thương hiệu vững bền !**

Quality makes sustainable brand !



Cam kết cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chất lượng
thỏa mãn ước vọng vì một nền nông nghiệp xanh và bền vững.
To provide quality products and services which fulfill aspiration
for the sustainable and green agriculture.



3. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

3.1. Mục tiêu chủ yếu năm 2025

a. Theo báo cáo hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ năm 2025/2024
Doanh thu thuần	863.686.430.659	936.807.495.142	108%
Lợi nhuận trước thuế	-45.942.452.933	10.000.000.000	
Lợi nhuận sau thuế	-48.188.126.678	8.000.000.000	
Lợi nhuận ST Công ty mẹ	-48.499.527.359	7.900.000.000	
Tỷ lệ chi trả cổ tức	Không chia cổ tức	LN bù đắp lỗ 2024	

b. Theo báo cáo riêng

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ năm 2025/2024
Doanh thu thuần	487.289.435.051	504.935.337.261	103%
Lợi nhuận trước thuế	-46.455.307.993	8.600.000.000	
Lợi nhuận sau thuế	-45.420.813.980	6.880.000.000	
Tỷ lệ chi trả cổ tức	Không chia cổ tức	LN bù đắp lỗ 2024	

3.2. Giải pháp thực hiện

a. Về công tác tổ chức bộ máy – quản trị:

Thực hiện tổ chức, sắp xếp tinh gọn bộ máy hoạt động tại văn phòng, xí nghiệp, các chi nhánh của SPC phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất



kinh doanh và năng lực, năng suất thực tế hiện tại của SPC, cắt giảm chi phí thuê nhà kho, văn phòng kinh doanh thiếu hiệu quả và thanh lý tài sản xe cộ dư thừa; rà soát bổ sung, điều chỉnh chính sách trả lương cho nhân viên với mức lương phù hợp để kích thích kinh doanh và thúc đẩy bán hàng. Tăng cường vai trò của HĐQT, BKS, Ban KTNB trong thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của Công ty, kiện toàn các quy chế, quy trình, quy định về

quản lý của Công ty phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và quy định của pháp luật.

Thực hành tiết kiệm tối đa các chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tối ưu quy trình sản xuất để hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh về giá bán. Đảm bảo sản phẩm đưa ra thị trường có chất lượng ổn định, giá bán cạnh tranh và có hiệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chi phí tất cả các khâu từ mua hàng, sản xuất, lưu thông, phân phối sản phẩm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Thường xuyên tổ chức công tác phân tích đánh giá chi phí hoạt động, giá thành sản phẩm nhằm phát hiện những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành để có giải pháp khắc phục và điều chỉnh kịp thời.

b. Về thị trường, sản phẩm: Đánh giá lại hệ thống phân phối, xu thế tiếp cận, nhu cầu sản phẩm và tiềm năng phát triển theo từng vùng miền, cân bằng hài hòa lợi ích của các bên, chính sách kích thích, ưu đãi và hỗ trợ kỹ thuật cho đại lý nhằm tăng cường mạng lưới phân phối. Phát triển kênh phân phối đi đôi với phát triển sản phẩm nhằm đa dạng hóa các sản phẩm của Công ty. Tập trung đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, tăng cường phát triển hệ thống phân phối, đặc biệt là thị trường Campuchia, Lào. Đẩy mạnh công tác truyền thông qua các mạng xã hội trong công tác tiếp thị, xây dựng và quảng bá thương hiệu. Tăng cường bán hàng thông qua các hình thức mua bán online, thương mại điện tử. Tạo quan hệ gắn bó với hệ thống phân phối qua các chương trình khuyến mãi, tổ chức gặp gỡ, hội thảo như chương trình bốc thăm trúng thưởng, đồng hành cùng SPC...

Rà soát, cơ cấu lại hệ thống sản phẩm đang kinh doanh, có chính sách đẩy mạnh tiêu thụ và phát triển các sản phẩm đang được thị trường chấp nhận, các sản phẩm có lợi nhuận cao, các

sản phẩm tiềm năng, sản phẩm thân thiện với môi trường để đáp ứng như cầu của thị trường, kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm hàng hóa cung cấp ra thị trường. Thường xuyên rà soát đánh giá doanh số, giá bán và hiệu quả các sản phẩm bán ra, các chính sách bán hàng của từng khu vực, địa bàn, khách hàng kinh doanh về giá cả, chiết khấu, khuyến mãi, giảm giá ... để điều chỉnh cho phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh và hiệu quả của Công ty.



c. Về quản trị rủi ro: Tăng cường công tác thu hồi nợ, xây dựng các chính sách bán hàng, thu nợ, lương, thưởng phạt hợp lý nhằm tăng doanh số và hạn chế nợ xấu của Công ty. Đánh giá lại hệ thống phân phối hiện tại, đặc biệt là các đại lý có tiềm năng hoặc đại lý có nguy cơ về tài chính để điều chỉnh kịp thời. Thường xuyên theo dõi công tác quản lý hàng tồn kho có phương pháp giải quyết, xử lý hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển, hàng hóa hư hỏng, kém chất lượng để tránh thiệt hại xảy ra cho Công ty.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý khách hàng, thường xuyên công tác thu hồi nợ, đôn đốc thu hồi nợ quá hạn; theo dõi chặt chẽ, cập nhật thường xuyên tình hình tài chính của khách hàng; xây dựng các chính sách bán hàng, thu nợ, lương, thưởng phạt hợp lý nhằm tăng doanh số và hạn chế tối đa phát sinh mới nợ quá hạn, nợ xấu.



Định kỳ phân tích, đánh giá tình hình hàng tồn kho, xử lý giải quyết kịp thời hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển phát sinh, tập trung đẩy nhanh tiến độ bán lượng hàng tồn kho chậm luân chuyển có thời gian lớn hơn 6 tháng, hạn chế thấp nhất tình trạng hàng hóa hư hỏng, kém chất lượng, phát hiện kịp thời và xử lý ngay những hàng hóa ứ đọng để tránh tình trạng ứ đọng vốn và giảm chất lượng của hàng hóa.

d. Về quản trị nguồn nhân lực: Tập trung nâng cao năng lực đội ngũ kinh doanh tiếp thị, đội ngũ làm công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm, phân tích đánh giá thị trường, công tác dự báo, dự đoán tình hình diễn biến của mùa vụ,... Phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao bằng chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là đối với CB, CNV có năng lực, có kỹ năng, có tâm huyết gắn kết với SPC.

đ. Về nghiên cứu phát triển sản phẩm mới: Tăng cường công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới có nguồn gốc sinh học, thân thiện với môi trường, tạo ra sản phẩm khác biệt với các sản phẩm của đối thủ cạnh tranh. Đẩy mạnh công tác đăng ký, phát triển sản phẩm mới thay thế sản phẩm bị cấm kinh doanh theo quy định của Cục BVTV.

Tìm kiếm và hợp tác với các Công ty đa quốc gia để nhận nhượng quyền đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật mới vào thị trường Việt Nam.

Nghiên cứu, phát triển sản phẩm cho ngành hàng còn trùng gia dụng, y tế; ngành hàng nông nghiệp đô thị với các sản phẩm mới thân thiện, an toàn với môi trường và người dùng.

e. Về công tác đầu tư: Tập trung chỉ đạo công tác đầu tư máy móc, thiết bị có công nghệ vượt trội, năng suất cao thay thế máy móc, thiết bị cũ lạc hậu nhằm nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm, đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường và năng lực cạnh tranh cho SPC.

g. Về công tác dự báo – kế hoạch: Nâng cao công tác dự báo dịch hại, dịch bệnh theo mùa vụ và cây trồng để chủ động trong việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả phương án sản xuất kinh doanh, cũng như thực hiện tốt việc chuẩn bị nguồn nguyên liệu, hàng hóa dự trữ và cung cấp cho thị trường kịp thời và ổn định tránh thiếu hàng, lỡ mùa vụ làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; thực hiện thường xuyên công tác dự báo, dự đoán tình hình thị trường, giá cả nguyên vật liệu đầu vào để có chính sách nhập, mua với mức hợp lý, dự trữ phù hợp với nhu cầu kinh doanh nhằm làm giảm số hàng tồn kho tối thiểu, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn vốn cho hoạt động. Định kỳ tổ chức phân tích đánh giá rút kinh nghiệm tình hình các chiến lược, kế hoạch SXKD để có giải pháp khắc phục tháo gỡ các khó khăn vướng mắc và điều chỉnh xử lý kịp thời.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1.1. Đặc điểm tình hình chung:



Kinh tế Việt Nam trong năm 2024 đạt mức tăng trưởng 7,09%, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 786,29 tỷ USD. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn nhiều hạn chế, như phụ thuộc vào diễn biến của tình hình thế giới, trong khi doanh nghiệp nội địa đang gặp nhiều khó khăn, mức độ hiện đại hóa thấp, và giải ngân đầu tư công từ nhà nước vẫn còn thấp, lãi suất có xu hướng tăng, tỷ giá USD tại các ngân hàng tăng 4,6%.

Thị trường vật tư nông nghiệp trong năm 2024 nhiều diễn biến tốt xấu đan xen. Xuất khẩu thuận lợi khi Trung Quốc tăng nhập khẩu nông sản đặc biệt là sầu riêng, thị trường xuất khẩu gạo đạt mức cao. Giá vật tư, nguyên vật liệu của ngành thuốc BVTV xu hướng ổn định khi đã giảm giá có xu hướng dừng lại và có chiều hướng tăng vào cuối năm. Tuy nhiên hiện tượng El Nino diễn ra những tháng đầu năm, thời tiết cực đoan, nắng nóng kéo dài, bão Yagi tàn phá nặng nề các địa phương miền Bắc, ảnh hưởng rất lớn tới sức mua của các đại lý. Thêm vào đó trong năm 2024, vấn đề thuế hộ kinh doanh đang ảnh

hưởng rất lớn đến vấn đề bán hàng, hệ thống đại lý chưa thích nghi kịp, không ôm hàng, chỉ mua hàng nhỏ lẻ vừa sức bán và chọn kinh doanh các mặt hàng có lợi nhuận cao. Về hoạt động kinh doanh tạm nhập, tái xuất sang Campuchia và Lào, từ tháng 8 năm 2024 Công ty tạm dừng theo quy định hiện hành đã ảnh hưởng rất lớn tới tình hình sản xuất kinh doanh. Đồng thời, cạnh tranh trong ngành diễn ra mạnh, thị trường phân mảnh bởi có quá nhiều Công ty tham gia kinh doanh, nguồn cung cho thị trường dư thừa trong khi sức mua của đại lý yếu.

Do hoạt động kinh doanh ngày càng khó khăn buộc Công ty phải nỗ lực nhiều hơn nhằm ổn định thị phần, duy trì hoạt động sản xuất, ổn định thu nhập cho người lao động bằng cách Công ty đã bổ sung nhiều chính sách chiết khấu, khuyến mãi, thành lập các tổ công tác đi thị trường để phòng ban cùng chi nhánh tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong công tác bán hàng dẫn đến chi phí hoạt động phát sinh nhiều hơn trong khi doanh thu vẫn không đạt theo kỳ vọng dẫn đến lãi gộp không đảm bảo bù đắp chi phí.



1.2. Kết quả hoạt động SXKD năm 2024:

a) Chỉ tiêu tài chính

❖ Báo cáo hợp nhất năm 2024:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	NĂM 2023	Năm 2024		Tỷ lệ	
				KH 2024	TH2024	% TH/KH	% 2024/2023
1	Giá trị sản xuất	1.000 đ	410,820,042	492,367,231	367,002,698	74.54%	89.33%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	4,529	5,428	4,633	85.35%	102.30%
3	Tổng doanh thu	1.000đ	1,065,544,361	1,206,185,000	880,120,197	72.97%	82.60%
	<i>Doanh thu thuần SXKD</i>	<i>1.000 đ</i>	<i>1,048,010,681</i>	<i>1,197,800,000</i>	<i>863,686,431</i>	<i>72.11%</i>	<i>82.41%</i>
	<i>Doanh thu tài chính</i>	<i>1.000 đ</i>	<i>12,499,867</i>	<i>5,151,000</i>	<i>11,350,040</i>	<i>220.35%</i>	<i>90.80%</i>
	<i>Thu nhập khác</i>	<i>1.000 đ</i>	<i>5,033,813</i>	<i>3,234,000</i>	<i>5,083,726</i>	<i>157.20%</i>	<i>100.99%</i>
4	Tổng chi phí	1.000 đ	1,104,047,592	1,175,400,000	926,081,649	78.79%	83.88%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	-38,503,231	22,400,000	-45,942,452		
6	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	-33,135,047	21,920,000	-48,188,127		
7	Vốn điều lệ	1.000 đ	105,300,000	105,300,000	105,300,000	100.00%	100.00%
8	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	%	-31%	21%	-45%		

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2024 là 880,12 tỷ đồng (bao gồm doanh thu thuần từ sản xuất kinh doanh là 863,68 tỷ đồng, doanh thu tài chính là 11,35 tỷ đồng và thu nhập khác là 5,08 tỷ đồng), đạt 72,97% kế hoạch năm, giảm so với cùng kỳ (TH2023: 1,065 tỷ đồng). So với cùng kỳ năm 2023 doanh thu thuần SXKD giảm 17,59 % và chỉ đạt 82,41% kế hoạch đề ra.
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện lỗ 48,18 tỷ đồng, cùng kỳ lỗ 33,14 tỷ đồng.
- Giá trị sản xuất thực hiện 367 tỷ đồng, đạt 74,54% kế hoạch năm (KH năm 492,37 tỷ đồng), giảm 10,67% so cùng kỳ (TH2023: 410,82 tỷ đồng) cho thấy giá trị sản xuất chưa đạt mục tiêu kế hoạch.
- Sản lượng sản xuất thực hiện 4.633 tấn, đạt 85,35% kế hoạch năm (KH năm là 5.428 tấn), tăng 2,30% so cùng kỳ (TH2023: 4.529 tấn).
- Thu nhập lao động bình quân thực hiện 10.734.171 đồng/người/tháng, bằng 75,35% kế hoạch năm, giảm 4,94% so cùng kỳ cho thấy mặc dù Công ty gặp nhiều khó khăn nhưng đời sống người lao động vẫn được quan tâm và chăm lo đầy đủ.



❖ Báo cáo riêng năm 2024:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	NĂM 2023	Năm 2024		Tỷ lệ	
				KH 2024	TH2024	% TH/KH	% 2024/2023
1	Giá trị sản xuất	1.000 đ	410,820,042	492,367,231	367,002,698	74.54%	89.33%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	4,529	5,428	4,633	85.35%	102.30%
3	Tổng doanh thu	1.000đ	639,991,269	645,874,801	506,398,574	78.41%	79.13%
	<i>Doanh thu thuần SXKD</i>	<i>1.000 đ</i>	<i>614,164,251</i>	<i>634,874,801</i>	<i>487,289,435</i>	<i>76.75%</i>	<i>79.34%</i>
	<i>Doanh thu tài chính</i>	<i>1.000 đ</i>	<i>21,551,272</i>	<i>8,000,000</i>	<i>15,489,636</i>	<i>193.62%</i>	<i>71.87%</i>
	<i>Thu nhập khác</i>	<i>1.000 đ</i>	<i>4,275,746</i>	<i>3,000,000</i>	<i>3,619,503</i>	<i>120.65%</i>	<i>84.65%</i>
4	Tổng chi phí	1.000 đ	685,097,121	625,874,801	552,853,882	88.33%	80.70%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	-45,105,852	20,000,000	-46,455,308		
6	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	-34,957,079	16,000,000	-45,420,814		
7	Vốn điều lệ	1.000 đ	105,300,000	105,300,000	105,300,000	100.00%	100.00%
8	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	%	-33%	15%	-43%		

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2024 là 506,39 tỷ đồng (bao gồm doanh thu thuần từ sản xuất kinh doanh là 487,29 tỷ đồng, doanh thu tài chính là 15,49 tỷ đồng và thu nhập khác là 3,62 tỷ đồng), đạt 78,41% kế hoạch năm, giảm so với cùng kỳ (TH2023: 639,99 tỷ đồng). So với cùng kỳ năm 2023 doanh thu thuần SXKD giảm 20,66% và chỉ đạt 76,75% kế hoạch đề ra.
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện lỗ 45,42 tỷ đồng, cùng kỳ lỗ 34,95 tỷ đồng.
- Giá trị sản xuất thực hiện 367 tỷ đồng, đạt 74,54% kế hoạch năm (KH năm 492,37 tỷ đồng), giảm 10,67% so cùng kỳ (TH2023: 410,82 tỷ đồng) cho thấy giá trị sản xuất chưa đạt mục tiêu kế hoạch.
- Sản lượng sản xuất thực hiện 4.633 tấn, đạt 85,35% kế hoạch năm (KH năm là 5.428 tấn), tăng 2,30% so cùng kỳ (TH2023: 4.529 tấn).

b) Nhận xét, đánh giá:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 bị lỗ do các nguyên nhân

➤ Nguyên nhân khách quan

- Sự thiếu hụt doanh số sản phẩm cầm quá lớn (hơn 60% tổng doanh thu hàng năm) trong khi doanh số sản phẩm thay thế chưa thể bù đắp kịp, đồng thời nhu cầu thị trường liên tục giảm mạnh do thời tiết khắc nghiệt (hạn hán, nhiễm mặn, mưa lũ...) ảnh hưởng rất lớn đến mùa vụ sản xuất nông nghiệp, tình hình tiêu thụ nông sản trong năm qua. Bên cạnh đó, giá xăng dầu, hàng hóa, ... đầu vào cho sản xuất, chi phí sản xuất, chi phí vận tải đang tăng cao và tạo áp lực lớn đến chi phí sản



xuất làm giá thành tăng cao, trong khi đó giá bán không thể tăng hoặc phải điều chỉnh giảm cho phù hợp dẫn đến hoạt động sản xuất gặp nhiều khó khăn.

- Cạnh tranh giá bán, cạnh tranh chính sách bán hàng ngày càng khốc liệt buộc Công ty luôn phải bổ sung nhiều chính sách bán hàng làm cho lãi gộp giảm so với kế hoạch, chi phí hoạt động đang ở mức cao khiến cho lợi nhuận gộp không đủ bù đắp.

➤ Nguyên nhân chủ quan

- Công tác dự báo dịch hại, mùa vụ và thị trường chưa được sâu sát kịp thời, nên còn bị động trong công tác chuẩn bị nguồn nguyên liệu, hàng hóa cung cho thị trường, công tác xây dựng kế hoạch chưa được chú trọng, chưa sát với thực tế nên tình trạng thiếu hàng cục bộ luôn diễn ra, một số sản phẩm sản xuất đưa ra thị trường chất lượng chưa đảm bảo ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch danh số Công ty.
- Bộ máy hoạt động còn cồng kềnh chậm đổi mới và tinh gọn theo tình hình thị trường làm cho chi phí hoạt động lớn, năng lực sản và cạnh tranh thấp. Công tác tái cơ cấu tổ chức, tinh gọn bộ máy nhân sự, tiết giảm chi phí để hoạt động có hiệu quả mặc dù có triển khai nhưng chưa kịp thời so với tình hình kinh doanh bị sụt giảm trong thời gian qua.



- Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023 gặp nhiều khó khăn do giá nguyên liệu nhập từ Trung Quốc liên tục giảm mạnh, giá bán các Công ty cùng ngành giảm mạnh để bán và nhập nguyên liệu giá mới cạnh tranh hơn, tại thời điểm đó hàng hóa tồn kho tại Công ty và tại các Đại lý giá cao không tiêu thụ được còn nhiều, khó thu nợ. Năm 2024 để cân đối và luân chuyển dòng tiền, giải quyết hàng tồn, thu nợ và trả nợ Công ty giải quyết các khó khăn cùng Đại lý bằng các chính sách chiết khấu, khuyến mãi, giảm giá để bán hàng đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động Công ty.

- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thực hiện không đạt tiến độ của kế hoạch đề ra làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của đơn vị, công tác quản lý chi phí, giá thành, giá bán cũng còn nhiều bất cập, một số chi phí còn để phát sinh nhiều, giá thành vẫn còn cao chưa được cải thiện được nhiều, định mức nguyên vật liệu trong giá thành chưa được cập nhật hằng năm, giá bán các mặt hàng có hiệu quả, một số mặt hàng có lợi nhuận gộp cao, tuy nhiên sau khi chiết khấu, khuyến mãi, giảm giá một số mặt hàng bị lỗ, một số sản phẩm có giá bán thấp hơn giá thành.



- Công tác đầu tư máy móc thiết bị mới có năng suất và chất lượng sản phẩm cao chưa được quan tâm trong thời gian dài dẫn đến giá thành sản xuất vẫn còn ở mức cao, làm cho giá bán khó cạnh tranh.



1.3. Về tiến độ thực hiện các dự án đầu tư:

Dự án đầu tư tại Lào: Công ty đã triển khai gần như đã hoàn tất việc thanh lý dự án theo chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành Phố và Tổng Công ty, riêng chỉ còn lại duy nhất dự án KM21 Công ty đang trình xin giữ lại làm trụ sở Văn phòng giao dịch và kho bãi để kinh doanh thuốc BVTV cho Công ty SPC Lào.

1.4. Về nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới:

Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới luôn được Công ty đặc biệt quan tâm và đó là một trong những nhiệm vụ được SPC ưu tiên hàng đầu. Trong năm 2024 Công ty đã được Cục BVTV công nhận 04 sản phẩm phân bón, trong đó có 3 sản phẩm hữu cơ sinh học do Công ty tự nghiên cứu sản xuất gồm: phân bón lá sinh học

SPC- Kali silic sinh học, SPC- NPK 5-5-15 sinh học và SPC-HỮU CỐ và sản phẩm phân bón lá SPC-MKP.

Ngoài ra, hiện đang có 05 hồ sơ đăng ký thuốc BVTV mới đang trong quá trình thực hiện đăng ký sản phẩm gồm: Sagoflu Pro 687.5SC, Sagopyrac Pro 45EC, Zicofast 23.5SL, Foshield 726SL, Zico Super 32SL và 03 sản phẩm phân bón lá hữu cơ sinh học SPC Amino Cal, SPC Amino Kali, SPC-NPK 5-11-3. Các hồ sơ này đang trong quá trình thúc đẩy tiến độ theo đúng quy trình đăng ký sản phẩm của Cục BVTV.

Để mở rộng phát triển kinh doanh, theo chiến lược Sản phẩm - Cây trồng, SPC đã đăng ký bổ sung mở rộng phạm vi sử dụng thêm đối tượng dịch hại/ cây trồng một số sản phẩm như Sagoperfect 320 SC/ thán thư/ điều, tiêu, ri sấu/ hoa cúc; Saipora Super 350SC/ đốm nâu/ thanh long, lem lép hạt/ lúa, thán thư/ xoài; Kingspider



93 SC/ nhện đỏ/ chè, dưa chuột; Sagofort 10 GR/ tuyến trùng/ cà phê;

Bên lĩnh vực côn trùng trong gia dụng, 02 sản phẩm Sagomoi 360SC và Wicare - lăng quăng 10SG đang trong quá trình chuẩn bị được cấp quyết định lưu hành.

Ngoài những sản phẩm nêu trên, Công ty đang có định hướng nghiên cứu các công thức phối chế sản phẩm mới là hỗn hợp của 2 hoạt chất nhằm tăng hiệu quả sử dụng, tạo tính mới và tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường và hợp tác với các đối tác nước ngoài chuẩn bị cho kế hoạch đăng ký sản phẩm trong thời gian tới như Kasava 88SL, Diusinate 555WP, Sairifos Super 115SC, Lyphoxim Gold 575SC, Olong 70SC, Sagomoi 360SC, nhận ủy quyền đăng ký các hỗn hợp thuốc BVTV mới từ đối tác Trung Quốc.

Đồng thời với việc tập trung làm mới bộ sản phẩm lưu hành tại Việt Nam, công tác đăng ký sản phẩm mới ở nước ngoài vẫn luôn được Công ty quan tâm và đầu tư mạnh. Trong năm qua đã đăng ký mới 05 sản phẩm tại Cambodia, 15 sản phẩm tại Lào, 02 sản phẩm tại Myanmar.

1.5. Về công tác vận hành nội bộ:

Công ty thành lập các tổ chiến lược, hội đồng chuyên môn để thực hiện cụ thể hóa các định hướng, kế hoạch đề ra nhằm đạt được mục tiêu chung.

Đối với các đơn vị trong nước, Công ty ban hành chính sách thi đua khen thưởng hàng tháng nhằm động viên CBNV kinh doanh hoàn thành tốt doanh số được giao; đồng thời thực hiện khoán công tác phí theo doanh số đối với khối trực tiếp kinh doanh trong nước. Đối với các đơn vị nước ngoài, Công ty thực hiện khoán lương nhằm thúc đẩy bán hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động tại các đơn vị và gia tăng thu nhập cho người lao động.

Công ty thực hiện việc bổ nhiệm, điều chuyển, phân công công việc theo đúng quy trình và công khai rõ ràng. Trong năm 2024

Công ty đã bổ nhiệm nhân sự, bộ máy quản lý tại các phòng ban, đơn vị: Trưởng phòng KDDT, Trưởng phòng XNK, quyền Trưởng phòng Nhân sự hành chính, quyền Giám đốc Xí nghiệp Hiệp Phước, Giám đốc Chi nhánh Myanmar, Giám đốc Chi nhánh Vĩnh Long, quyền Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai.

Nhằm đảm bảo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay, Công ty đã tiến hành rà soát tình hình hoạt động tại các đơn vị: chấm dứt hoạt động khu vực kinh doanh Tuyên Quang, chuyển đổi khu vực kinh doanh Kiên Giang, Khánh Hòa, An Giang.

Năm 2024 việc kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, nhưng để ổn định đời sống và giữ vững tinh thần cho người lao động, Công ty vẫn thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động như chế độ lương, thưởng, nộp BHXH, BHYT, ... theo đúng quy định. Tiếp tục duy trì các chế độ cao hơn so với Luật lao động như chế độ ốm đau, thăm hỏi, bảo hiểm tai nạn... nhằm động viên người lao động vượt qua giai đoạn khó khăn.

1.6. Về công tác quản lý tài chính:

Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý nợ, xây dựng hạn mức tín dụng cho từng khách hàng, xiết chặt việc bán hàng cho khách hàng thông qua công cụ hạn mức tín dụng, công nợ quá hạn, ký hợp đồng mua bán đã có hiệu quả trong công tác quản lý công nợ khách hàng, hạn chế được rủi ro tài chính.

Tăng cường giám sát việc áp dụng định mức tồn kho cho từng chi nhánh, khu vực, từng ngành hàng nhằm kiểm soát, tăng vòng quay hàng tồn kho, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của đơn vị.

Giám sát chặt việc mua hàng nhập khẩu nhằm đảm bảo tồn kho nguyên vật liệu phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thông qua việc ban hành định mức tồn kho, định mức nhập khẩu



từng hoạt chất, nguyên vật liệu; quy hoạch nhà cung cấp có uy tín và sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng; quy định về việc đặt hàng quý, tháng, tuần của các chi nhánh.

Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế cho ngân sách Nhà Nước theo đúng quy định pháp luật.

1.7. Về công tác phát triển thị trường:

Về công tác chăm sóc khách hàng, thực hiện chiến dịch chăm sóc khách hàng khi vào vụ tại khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long, nhằm bám sát thông tin thị trường và nắm bắt nhu cầu đại lý, ghi nhận và giải quyết các ý kiến của từng khách hàng.

Tổ chức tọa đàm “Biện pháp quản lý dịch hại và cỏ dại trên ruộng mía ở Việt Nam”, hội thảo ngành hàng Côn trùng gia dụng, tọa đàm “Biện pháp quản lý dinh dưỡng và bệnh trên cây sầu riêng”, “Dịch hại thanh long và biện pháp phòng trừ”, “Dịch hại cây tiêu và biện pháp phòng trừ”, “Dịch hại cây cà phê và biện pháp phòng trừ”, “Dịch hại cây có múi và biện pháp

phòng trừ”...nhằm phổ biến kiến thức dịch hại và phòng trừ, qua đó giới thiệu sản phẩm SPC đến người nông dân, đại lý.

Đẩy mạnh công tác truyền thông qua chương trình “Đăng ngay Clip hay – Nhận thưởng liền tay” với mục tiêu tăng cường nhận diện thương hiệu SPC trên mạng xã hội, thu hút khách hàng tham gia tương tác và quảng bá sản phẩm một cách tự nhiên, tạo cơ hội thu nhập các nội dung do người dùng, để sử dụng cho các chiến dịch truyền thông.

Tập trung đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, tăng cường phát triển hệ thống phân phối, đặc biệt là thị trường Campuchia, Lào bởi uy tín và thương hiệu của SPC ở 2 thị trường này đang phát triển rất tốt, đánh giá nếu đầu tư cao hơn cho 2 thị trường này thì doanh số sẽ tăng trưởng nhiều trong thời gian tới.

Xây dựng, điều chỉnh chính sách bán hàng linh hoạt theo 04 khu vực địa bàn, nhóm khách hàng; chính sách bán hàng giữ xuyên suốt theo niên vụ, trong khi giá bán thay đổi theo thị trường, đáp ứng nhanh theo yêu cầu thay đổi của thị trường và mục tiêu Công ty hướng đến.



2. PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

2.1. Dự báo một số thuận lợi và khó khăn trong năm 2025:

a) Thuận lợi:

- Các sản phẩm của Công ty đa dạng, chất lượng cao, cạnh tranh tiếp tục giữ được uy tín đối với nông dân, người tiêu dùng trực tiếp do chất lượng sản phẩm luôn được đảm bảo và mang lại hiệu quả cao cho người tiêu dùng.

- Công ty có hệ thống phân phối rộng khắp cả nước, các khách hàng truyền thống của Công ty vẫn tiếp tục gắn bó với Công ty, chia sẻ khó khăn và kinh nghiệm thị trường, hệ thống phân phối luôn được giữ vững và phát triển. Đến nay hệ thống phân phối trong nước đạt gần 700 đại lý các cấp, 08 chi nhánh kinh doanh trong nước và 3 chi nhánh nước ngoài cho phép sản phẩm thuốc của SPC có mặt ở mọi miền đất nước.

- SPC nhận được tín nhiệm của các nhà cung cấp đầu vào.

- Thương hiệu SPC đã được người tiêu dùng bình chọn là thương hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao 21 năm liên tục.

- Sản phẩm SECSAIGON 10EC được công nhận Thương hiệu Quốc gia Việt Nam 3 năm liên tiếp 2020 – 2022 - 2024.

b) Khó khăn

- Kinh tế thế giới khả năng xảy ra chiến tranh thương mại trong năm 2025, nếu có sẽ làm đứt gãy các chuỗi cung ứng, thu hẹp các thị trường xuất khẩu.

- Thị trường nông sản: những tháng đầu năm 2025, xuất khẩu sầu riêng sang Trung Quốc gặp nhiều khó khăn do quy định kiểm tra chặt chất vàng O; giá gạo xuất khẩu xuống thấp nhất trong 9 năm qua, doanh nghiệp lo lắng vì đơn hàng giảm, giá lúa thu mua nông dân từ đó giảm mạnh.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh thuốc BVTV, cơ chế bán thẳng của các tập đoàn đa quốc gia ngày càng rõ nét, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành ngày càng khốc liệt; tâm lý nhà phân phối và đại lý bán lẻ co cụm, không mạnh dạn đầu tư nhiều; hàng giả, hàng nhái xảy ra thường xuyên ở mức liên tục.

- Bộ máy hoạt động còn cồng kềnh chậm đổi mới và tinh gọn theo tình hình thị trường làm cho chi phí hoạt động lớn, năng lực sản và cạnh tranh thấp. Công tác tái cơ cấu tổ chức, tinh gọn bộ máy nhân sự, tiết giảm chi phí để hoạt động có hiệu quả mặc dù có triển khai nhưng chưa kịp thời so với tình hình kinh doanh bị sụt giảm trong thời gian qua.

- Do tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn, doanh số bán ra giảm dẫn đến dòng tiền thu về giảm theo, ảnh hưởng nhiều đến kế hoạch thanh toán nợ vay ngân hàng và nợ phải trả nhà cung cấp. Các ngân hàng đang cắt giảm tín dụng, hạn nợ do đánh giá lại rủi ro tài chính sau khi xem xét báo cáo tài chính của đơn vị.





- Công tác hoàn thuế giá trị gia tăng của các năm trước cũng đang gặp nhiều khó khăn, Cục thuế TP.HCM đang vướng mắc trong công tác thanh tra, kiểm tra thủ tục hoàn thuế nên tiến độ giải quyết hồ sơ hoàn thuế cho đơn vị rất chậm do đó ảnh hưởng rất nhiều đến nguồn vốn lưu động hoạt động hiện nay của Công ty.

2.2. Kế hoạch kinh doanh và giải pháp thực hiện trong năm 2025

a. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu: (báo cáo hợp nhất)

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2024	Kế hoạch 2025	KH2025 /TH2024
1	Giá trị sản xuất	1.000 đ	367,002,698	405,000,000	110.35%
2	Sản lượng	Tấn	4,633	5,400	116.56%
3	Doanh thu thuần SXKD	1.000 đ	863,686,431	936,807,495	108.47%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	-45,942,453	10,000,000	
5	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	-48,188,127	8,000,000	
	Lợi nhuận sau thuế Cty mẹ		-45,420,814	7,900,000	
6	Tỷ suất LNST/Vốn góp CSH	%		11.59%	
7	Nộp ngân sách	1.000 đ	23,631,759	25,000,000	105.79%

b. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu: (báo cáo riêng)

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2024	Kế hoạch 2025	KH2025 /TH2024
1	Giá trị sản xuất	1.000 đ	367,002,698	405,000,000	110.35%
2	Sản lượng	Tấn	4,633	5,400	116.56%
3	Doanh thu thuần SXKD	1.000 đ	487,289,435	504,935,337	103.62%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	-46,455,308	8,600,000	
5	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	-45,420,814	6,880,000	
6	Tỷ suất LNST/Vốn góp CSH	%		6.53%	
7	Nộp ngân sách	1.000 đ	16,200,000	16,000,000	98.77%



c. Phương hướng, giải pháp thực hiện trong năm 2025:

+ Về công tác thị trường, sản phẩm, chính sách bán hàng

Tập trung đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, tăng cường phát triển hệ thống phân phối, đặc biệt là thị trường Campuchia, Lào bởi uy tín và thương hiệu của SPC ở 2 thị trường này đang phát triển rất tốt, đánh giá nếu đầu tư cao hơn cho 2 thị trường này thì doanh số sẽ tăng trưởng nhiều trong thời gian tới.

Đẩy mạnh công tác truyền thông qua mạng internet (tiktok, youtube, zalo...) trong công tác tiếp thị, xây dựng và quảng bá thương hiệu. Thông qua mạng xã hội Công ty đẩy mạnh công tác truyền thông đến với người tiêu dùng, nông dân, các đại lý. Giới thiệu sản phẩm thông qua công tác hỗ trợ cập nhật kiến thức sử dụng an toàn, hiệu quả thuốc BVTV bằng các buổi livestream với chủ đề thiết thực, nhà nông theo dõi có thể áp dụng vào sản xuất, các đại lý tham gia các kênh truyền thông được tiếp cận kiến thức bổ ích cho công tác kinh doanh và thực hiện nhiều hoạt động có ích cho xã hội và cộng đồng.

Xây dựng, điều chỉnh chính sách bán hàng linh hoạt theo 04 khu vực địa bàn, nhóm khách hàng; chính sách bán hàng giữ xuyên suốt theo niên vụ, trong khi giá bán thay đổi theo thị trường, đáp ứng nhanh theo yêu cầu thay đổi của thị trường và mục tiêu Công ty hướng đến.

+ Về quản lý nợ phải thu

Triển khai phương thức trả lương cho CBNV theo hiệu suất làm việc, ngoài chỉ tiêu chính là thực hiện kế hoạch doanh số còn kèm theo chỉ tiêu thu hồi công nợ, tỷ lệ nợ quá hạn và các chỉ tiêu quản lý khác của từng cá nhân và tập thể.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 trong công tác quản lý khách hàng như: module quản lý hợp đồng, module quản lý tín dụng (cấp tín dụng theo năng lực tài chính của từng khách

hàng), module kiểm soát nợ quá hạn, phần mềm tin nhắn quản lý giao dịch kinh doanh với khách hàng (bán hàng và thu tiền).

Tăng cường công tác thu hồi nợ, đôn đốc thu hồi nợ quá hạn; theo dõi chặt chẽ, cập nhật tình hình tài chính của khách hàng, hạn chế tối đa phát sinh mới nợ quá hạn, nợ xấu nhằm đảm bảo nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.



+ Về quản lý hàng tồn kho

Lập và dự báo kế hoạch nhu cầu hàng hóa để mua dự trữ, công tác mua và dự trữ được thực hiện theo định mức tồn kho tối đa, định mức một lần nhập cho tất cả các nguyên vật liệu đầu vào (nguyên liệu, bán thành phẩm nhập, bao bì, phụ gia,...) và định mức tồn trữ bán thành phẩm trộn, nhập hàng nguyên vật liệu và bán thành phẩm, dự trữ mức tồn kho hợp lý và kiểm soát giá đầu vào, đảm bảo cung ứng cho thị trường kịp thời.

Thường xuyên phân tích, đánh giá tình hình hàng tồn kho, xử lý giải quyết kịp thời hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển phát sinh, tập trung đẩy nhanh tiến độ bán lượng hàng tồn kho chậm luân chuyển có thời gian lớn hơn 6 tháng. Hàng tồn kho chậm luân chuyển là nguyên liệu, bán thành phẩm, hàng B cần rà soát, đánh giá lại chất lượng, quy cách, hàm lượng kỹ



thuật theo quy định để phối hợp với các nguyên liệu khác tạo ra các sản phẩm mới phù hợp với việc thay đổi tập quán và môi trường canh tác của người nông dân hiện nay và đồng thời hướng đến thị trường Campuchia, Lào... với phân khúc chất lượng ổn định, giá bán phù hợp

Tiến hành thành lập hệ thống cung ứng nguyên liệu sản xuất, bao bì, phụ gia,... thông qua hình thức đấu thầu đối với mua hàng trong nước (bao bì, phụ gia,...), đấu giá mua hàng nhập khẩu (nguyên liệu, bán thành phẩm,...) nhằm tìm kiếm nhà cung cấp với giá cả phù hợp, chất lượng hàng hóa tốt, nguồn hàng cung cấp ổn định.



+ Về quản lý chi phí

Rà soát lại doanh số, giá bán, giá thành và hiệu quả các sản phẩm bán ra, các chính sách bán hàng của từng khu vực, địa bàn, khách hàng kinh doanh về giá cả, chiết khấu, khuyến mãi, giảm giá ... để điều chỉnh cho phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh và hiệu quả của Công ty.

Công ty đang tập trung thực hiện rà soát, kiện toàn nhân sự theo vị trí, công việc được giao thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy hoạt động tại văn phòng, xí nghiệp, các chi nhánh của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và năng suất thực tế hiện tại của SPC; tổ chức công tác kế hoạch sản xuất, bán hàng cho hợp lý tránh phát sinh chi phí ngoài kế hoạch,

kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm hàng hóa cung cấp ra thị trường, cắt giảm chi phí thuê nhà kho kinh doanh thiếu hiệu quả và thanh lý tài sản xe cộ dư thừa. Thực hành tiết kiệm tối đa các chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh (chi phí điện nước- văn phòng phẩm, khoán công tác phí theo doanh số theo từng nhân viên, chi phí xăng dầu, cầu đường...) để hạn chế thấp nhất mức lỗ cho hoạt động của SPC.

Đồng thời thành lập các tổ công tác thị trường gồm các trưởng phó các phòng ban cùng nhân viên kinh doanh, BSCT chi nhánh được phân công cụ thể theo từng địa bàn như đi thăm viếng khách hàng để tập mối quan hệ, để thu thập thông tin về sản phẩm cũng như các phản ánh khác của khách hàng để xây dựng kế hoạch kinh năm 2025. Đồng thời rà soát và xây dựng kế hoạch doanh thu – tổng nhân sự - tổng chi phí và điều chỉnh chính sách trả lương cho nhân viên với mức lương phù hợp từng chi nhánh nhằm thực hiện việc tiết kiệm chi phí, đảm bảo thu nhập CB-CNV cùng với nâng cao doanh số và lợi nhuận.

Thường xuyên thực hiện công tác rà soát, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cập nhật, ghi chép chứng từ và hạch toán kế toán theo chuẩn mực kế toán và theo quy định pháp luật

Định kỳ hàng quý tổ chức công tác phân tích chi phí hoạt động, giá thành sản phẩm nhằm sớm đánh giá nguyên nhân (Khách quan, chủ quan) để có các giải pháp khắc phục kịp thời và hiệu quả.

+ Về công tác đầu tư

Đầu tư thay thế thiết bị nghiền dây chuyền sản xuất thuốc BVTV dạng SC có công nghệ vượt trội, năng suất cao thay thế máy móc, thiết bị cũ lạc hậu nhằm nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm, đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường và năng lực cạnh tranh cho Công ty



+ Lộ trình, phương án giảm lỗ năm 2025

Ban Điều hành sẽ nhanh chóng xây dựng phương án giảm lỗ, lộ trình thực hiện chi tiết, cụ thể trong thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, từng bước kiểm soát tình hình hoạt động tiến đến sản xuất kinh doanh đảm bảo có hiệu quả góp phần cải thiện tình hình tài chính của Công ty để trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét, thông qua.





CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN



SPC MART

Chế phẩm

Diệt côn trùng và khuẩn y tế

Chế phẩm, dung dịch xua đuổi và trừ muỗi, côn trùng



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN



SPC MART

Sản phẩm

NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ



An toàn - hiệu quả - tiện lợi
Thân thiện môi trường



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2024

Thẩm định Báo cáo tài chính 06 tháng và năm tài chính 2024 của Công ty.

Thay mặt cổ đông kiểm soát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty theo Luật doanh nghiệp và lệ Công ty. Giám sát tình hình sử dụng động và việc chấp hành các chế độ liên đến người lao động theo luật định.

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Tham gia đóng góp ý kiến, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị trong các cuộc họp.

Tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban, chuyên đề, chiến lược của Công ty và tham mưu cho HĐQT và Ban giám đốc các giải pháp nhằm kiểm soát và quản trị rủi ro một cách hiệu quả nhất.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Kiểm tra, theo dõi các số liệu phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, qua đó phân tích đánh giá các chỉ tiêu tài chính và kiến nghị các biện pháp nhằm mục tiêu giảm thiểu tối đa tổn thất cho đơn vị.

Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng qui định của pháp luật, xem xét tính minh bạch trong quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

Xem xét mức phí và đánh giá năng lực các đơn vị kiểm toán độc lập. Tư vấn HĐQT trong việc chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty. Vào thời điểm kết thúc 06 tháng và cuối năm, Ban kiểm soát phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập soát xét, kiểm toán báo cáo tài chính Công ty mẹ và các Công ty con nhằm đảm bảo tính chính xác và minh bạch của các số liệu.

❖ Mức lương và thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2024

- ✓ Trưởng Ban kiểm soát: Hưởng lương chuyên trách.
- ✓ Thù lao thành viên Ban kiểm soát: không chi thù lao vì kết quả sản xuất kinh doanh không có hiệu quả (lỗ).

2. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2024

2.1. Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2024

Dvt : triệu đồng

tháng

động
hành
Điều
lao
quan



STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		Tỷ lệ %	
			Kế hoạch	Thực hiện	3/1	3/2
		1	2	3	4	5
1	Tổng tài sản	531.539		451.368	85%	
2	Công nợ phải thu KH	228.935		126.456	55%	
3	Hàng tồn kho	206.304		238.518	116%	
4	Nợ phải trả	360.576		328.597	91%	
5	Vốn chủ sở hữu	170.963		122.771	71%	
6	Hệ số Nợ/Vốn CSH (lần)	2,11		2,68	127%	
7	Doanh thu (hợp nhất)	1.048.010	1.197.800	863.686	82%	72%
8	Lợi nhuận trước thuế	-38.503	22.400	-45.942	119%	-205%
9	Lợi nhuận sau thuế	-33.135	21.920	-48.188	135%	-220%
10	Tỷ suất LNST/Doanh thu	- 3%		- 6%		

(Nguồn số liệu: căn cứ BCTC năm 2024 đã được kiểm toán)

Ghi chú: Doanh thu và lợi nhuận 2024 đã bao gồm số liệu của Công ty cổ phần TM Mộc Hóa)

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện

Tổng tài sản của Công ty đến 31/12/2024: 451,368 tỷ đồng, giảm 15% (tương đương 80,170 tỷ đồng) so với thời điểm đầu năm 2024, trong đó biến động lớn, bao gồm:

- + Tiền và các khoản tương đương tiền: giảm 18,143 tỷ đồng
- + Các khoản phải thu ngắn hạn: giảm 105,300 tỷ đồng
- + Hàng tồn kho: tăng 32,214 tỷ đồng
- + Tài sản ngắn hạn khác: tăng 8,961 tỷ đồng
- + Tài sản dài hạn: giảm 3,152 tỷ đồng
- + Tài sản dài hạn khác: tăng 1,672 tỷ đồng

Các khoản khác biến động không đáng kể.

Công nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2024: 126,456 tỷ đồng, giảm 45% (tương đương 102,478 tỷ đồng) so với cùng thời điểm năm 2023. Nguyên nhân một phần là do doanh thu năm 2024 đạt thấp hơn so với năm trước, khách hàng xin trả lại hàng do bán không hết lượng hàng đã mua, bên cạnh đó là Công ty có ban hành các chính sách bán hàng và thu tiền hấp dẫn để sớm thu hồi công nợ của khách hàng, giảm thiểu rủi ro đồng thời tăng nguồn vốn lưu động của Công ty phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, công nợ phải thu khách hàng vào thời điểm cuối năm giảm đáng kể so với cùng kỳ.

Hàng tồn kho đến 31/12/2024: 238,518 tỷ đồng, tăng 16% (tương đương 32,214 tỷ đồng) so với thời điểm cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân chính là do khách hàng trả lại hàng vì không bán hết lượng hàng đã mua trước đó để giảm trừ công nợ vào thời điểm cuối năm.



Nợ phải trả đến 31/12/2024: 328,597 tỷ đồng, giảm 9% (tương đương 31,978 tỷ đồng) so với thời điểm cùng kỳ 2023. Nguyên nhân là vào thời điểm cuối năm Công ty giảm mạnh được công nợ phải thu khách hàng làm cho nguồn vốn lưu động tăng lên để thanh toán các khoản công nợ cho ngân hàng và nhà cung cấp. Vì vậy, công nợ phải trả giảm đáng kể.

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu đến 31/12/2024: 2,68 lần, tăng 27% so với năm 2023, chỉ số này mặc dù vẫn nằm trong tầm kiểm soát (<3%), tuy nhiên cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro cho hoạt động của đơn vị trong bối cảnh kết quả kinh doanh không được hiệu quả.

Doanh thu hợp nhất năm 2024: 863,686 tỷ đồng đạt 72% kế hoạch năm và đạt 82% so với thực hiện năm 2023. Nguyên nhân chính không đạt được 100% kế hoạch doanh thu là tình hình diễn biến phức tạp của kinh tế thế giới ảnh hưởng đến đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp nên sức tiêu thụ thuốc BVTV của người dân giảm rõ rệt, doanh thu của thuốc trừ cỏ giảm mạnh do nắng nóng kéo dài và sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường.

Lợi nhuận trước thuế năm 2024: thực hiện lỗ 45,942 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận sau thuế năm 2024: thực hiện lỗ 48,188 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân chính làm cho kết quả kinh doanh bị lỗ là do doanh thu không đạt kế hoạch đề ra, tỷ suất lợi nhuận thấp không đủ bù đắp chi phí hoạt động của đơn vị.



3. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2024

Về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Công ty đã thực hiện với các kết quả như sau:

Trong năm 2024 HĐQT và Ban điều hành Công ty đã nỗ lực phấn đấu, khắc phục những khó khăn để định hướng và điều hành đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, với tình hình thế giới khó khăn kéo theo tình hình trong nước ảm đạm thì kết quả kinh doanh không đạt theo kế hoạch mà ĐHĐCĐ đã đề ra.



Doanh thu hợp nhất chỉ đạt 72% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế thực hiện lỗ 48,188 tỷ đồng, lỗ tăng nhiều hơn 15,053 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Công ty đã sử dụng và trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi theo đúng nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 đã ban hành.

Công ty đã thông qua các tiêu chí về đơn vị kiểm toán độc lập và lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 theo đúng Nghị quyết.

Đã thực hiện việc ký ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, điều chỉnh, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị, quy chế hoạt động của HĐQT và BKS theo đúng nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024.

4. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HĐQT NĂM 2024

Trong năm 2024, HĐQT đã tiến hành họp định kỳ, đột xuất hoặc lấy ý kiến văn bản và đã ban hành nhiều Nghị với nhiều nội dung cụ thể nhằm định chỉ đạo, giải quyết kịp thời các vấn đề bách, các nghị quyết này được Ban hành triển khai thực hiện triệt để nhằm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được thông suốt, mang lại hiệu quả cao cho đơn vị, cụ thể như:



Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh quý của đơn vị, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, chỉ đạo giải quyết những tồn tại.

Ban hành Nghị quyết thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan.

Ban hành Nghị quyết thông qua quy chế kiểm toán nội bộ.

Ban hành Nghị quyết thông qua quy chủ trương đầu tư thay thế máy nghiền thuốc BVTV dạng SC.

Ban hành Nghị quyết thông qua hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng năm 2024



5. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG

Hoạt động của Công ty là tuân thủ theo pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT và Ban điều hành đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung có đầy



đu các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát tham gia, có biên bản họp sau khi kết thúc, những cuộc họp lấy ý kiến các thành viên đều được thực hiện theo đúng trình tự, đúng quy chế, và phù hợp với Điều lệ Công ty. Các thành viên HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết và quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của ĐHCĐ và quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã ban hành kịp thời các Quy định, các Quy chế và các văn bản mới để áp dụng vào thực tiễn theo quy định của Tổng Công ty và phù hợp với Luật doanh nghiệp và luật pháp Việt Nam.

Trong năm 2024 Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn như: doanh thu của các sản phẩm thay thế sản phẩm bị cấm kinh doanh chưa đạt như kỳ vọng, thị trường tiêu thị bị cạnh tranh ngày càng khốc liệt, tỷ suất lợi nhuận/doanh thu giảm đáng kể do cạnh tranh trong khi chi phí duy trì hoạt động bộ máy của Công ty còn lớn. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã rất nỗ lực khắc phục khó khăn, kịp thời đưa ra nhiều chiến lược định hướng, tìm kiếm các sản phẩm thay thế bổ sung, ban hành các chính sách bán hàng phù hợp, phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch, tiết kiệm chi phí nhằm hoàn thành kế hoạch được giao nhưng kết quả mang lại chưa được như mong muốn.

6. BẢO CÁO GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (SPC) có khoản nợ vay 54.000.000 đồng với Giám đốc Công ty là ông Nguyễn Quốc Dũng, phát sinh từ trước năm 2015, trả lãi 8% trong năm 2024 (dự kiến chi vào đầu năm 2025) chi tiết:

Dvt: đồng

Họ và tên	Số dư Đầu kỳ	Số dư Cuối kỳ	Lãi suất (%/năm)	Tiền lãi Dự kiến	Thuế tncn 5% Dự kiến	Thực lãnh Dự kiến
Nguyễn Quốc Dũng	54,000,000	54,000,000	8.00%	4,320,000	216,000	4,104,000

2. Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành:

2.1. Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (SPC) và Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa (MJC) do ông Điều Quang Trung – Phó Giám đốc SPC làm Chủ tịch Hội đồng quản trị MJC.

Trong năm 2024, giữa SPC và MJC có phát sinh giao dịch như sau:

STT	Tên Công ty/Người liên quan	Tên hàng hóa giao dịch	Tổng giá trị giao dịch năm 2024 (đồng)
1	Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa (MJC)	SPC bán các sản phẩm thuốc BVTV, phân bón.	1.292.308.50
2	Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa (MJC)	SPC mua phân bón hữu cơ và tiền thuê đất làm cánh đồng lúa.	108.337.50

3	Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa (MJC)	SPC nhận tiền cổ tức năm 2023.	591.408.00
4	Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa (MJC)	SPC chi thanh toán tiền chiết khấu thanh toán.	37.713.00
5	Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa (MJC)	SPC mua nước đóng bình...	11.769.68

2.2. Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn với Công ty TNHH SX & TM Nam Long Phát và Công ty TNHH Thương mại Nông Phú.

Trong năm 2024 Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đã ký kết hợp đồng nguyên tắc số 01/NLP-HĐMB 2024 & số 02/NLP-HĐMB 2024, ngày 02/01/2024 về việc mua chai, can nhựa và thùng carton các loại với Công ty TNHH SX&TM Nam Long Phát do ông Huỳnh Đức là người đại diện pháp luật.

Trong năm 2022 Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đã ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 367/BVTV-SG/HĐMBHHSG, ngày 17/05/2022 với Công ty TNHH Thương mại Nông Phú do ông Võ Văn Nghị là người đại diện pháp luật, hợp đồng có hiệu lực 03 năm (17/05/2022 – 17/05/2025).

STT	Tên Công ty/Người liên quan	Tên hàng hóa giao dịch	Tổng giá trị giao dịch năm 2024 (đồng)	Tỷ lệ giá trị giao dịch/Tổng tài sản năm 2023	Tỷ lệ giá trị giao dịch/Tổng tài sản năm 2024
1	Công ty TNHH SX & TM Nam Long Phát (TV HĐQT Huỳnh Chí Quyền – Con trai ông Huỳnh Đức là Chủ tịch, kiêm Giám đốc Công ty Nam Long Phát)	SPC mua các sản phẩm thùng giấy, chai thuốc, nhãn mác...	14.038.930.270	2,64%	3,11%
2	Công ty TNHH TM Nông Phú (TV HĐQT Võ Văn Nghị - Giám đốc Công ty Nông Phú)	SPC bán các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, phân bón...	733.894.483	0,14%	0,16%

**Nhận xét đánh giá:**

Tổng giá trị tài sản của SPC tại thời điểm 31/12/2023 trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ là: 479.808.753.264 đồng.

Tổng giá trị tài sản của SPC tại thời điểm 31/12/2024 trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ là: 421.611.025.243 đồng.

Sau khi rà soát hợp đồng, giao dịch phát sinh trong năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (SPC) với người có liên quan thì Ban kiểm soát nhận thấy rằng tổng giá trị các giao dịch phát sinh trong năm 2024 và tỷ lệ giá trị giao dịch/Tổng tài sản SPC nhỏ hơn 20%, hoàn toàn phù hợp với các quy định hiện hành.

7. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT, BGD

Trong năm qua, giữa BKS với HĐQT, BGD và các cán bộ quản lý đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ.

HĐQT tiếp tục giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời BGD trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua.

Trong năm 2024, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT và Ban điều hành Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc.

8. CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Công nợ phải thu khách hàng của Công ty đến cuối năm 2024 giảm nhiều so với cùng thời điểm năm 2023. Ban kiểm soát đề nghị Công ty tiếp tục tăng cường công tác theo dõi và thu hồi nợ được kịp thời, hạn chế tối đa phát sinh mới nợ quá hạn dẫn đến nợ xấu. Đối với các công nợ khó đòi, công nợ khởi kiện thì đề nghị Công ty tiếp tục theo dõi chặt chẽ, cập nhật tình hình tài chính, tài sản của khách hàng cũng như tiến độ, kết quả giải quyết của các cơ quan tòa án, thi hành án đối với các công nợ khách hàng có liên quan đến Công ty, để từ đó

có biện pháp thu hồi công nợ khó đòi này, nhằm giảm thiểu tối đa tổn thất cho đơn vị.

Hàng tồn kho cuối năm 2024 có tăng nhiều so với cùng thời điểm năm 2023 gây áp lực lớn cho nguồn vốn lưu động của Công ty, còn nhiều mặt hàng tồn kho lâu ngày, chậm luân chuyển. Đề nghị Công ty tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác quản lý hàng tồn kho của đơn vị, hạn chế tối đa việc tồn kho lâu ngày các nguyên vật liệu, vật tư sản xuất, cần đẩy mạnh công tác luân chuyển hàng hóa thành phẩm. Bên cạnh đó, tiếp tục rà soát



và có biện pháp xử lý các nguyên liệu, vật tư ứ đọng lâu ngày nhằm quay vòng hàng tồn kho được nhanh hơn.

Công nợ phải trả của Công ty cuối năm 2024 giảm đáng kể so với cùng thời điểm năm 2023. Tuy nhiên, chỉ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu tiếp tục tăng cao trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị không hiệu quả. Ban kiểm soát đề nghị Công ty tiếp tục kiểm soát công nợ phải trả luôn ở mức an toàn (<3%). Bên cạnh đó, việc thanh toán đúng hạn cho nhà cung cấp, ngân hàng phải luôn được quan tâm để cao nhằm đảm bảo uy tín cho đơn vị.

Cần tăng cường hơn nữa công tác quản trị rủi ro, chú trọng đến việc đảm bảo an toàn tài chính cho đơn vị, thường xuyên phân tích đánh giá tình hình tài chính của khách hàng.

Tiếp tục đầu tư nghiên cứu, đăng ký các sản phẩm mới để bổ sung và danh mục sản phẩm của Công ty nhằm thay thế các sản phẩm bị loại ra khỏi danh mục theo quy định của Cục BVTV.

Đề nghị Công ty tiếp tục rà soát, sắp xếp kiện toàn bộ máy theo hướng tinh gọn hiệu quả, giảm bớt các chi phí hoạt động ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của đơn vị, đồng thời xem xét các chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất sản phẩm tại nhà máy nhằm giảm giá thành, tăng mức độ cạnh tranh cho sản phẩm ngoài thị trường, phát triển doanh thu.

9. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Ban kiểm soát thay mặt cho cổ đông tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty.

Kiểm soát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Kiểm soát tình hình kinh doanh của Công ty, xem xét tiến độ hoạt động của các dự án, tình hình sử dụng nguồn vốn Công ty, tình hình quản lý công nợ, hàng hóa tồn kho.

Kiểm tra việc thực hiện và chấp hành các Quy chế, Quy trình khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, quản lý vật tư hàng hóa, công nợ, chi phí và đầu tư của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót. Từ đó đưa ra những kiến nghị, đề xuất với HĐQT và Ban giám đốc.

Kiểm tra công tác kiểm kê, việc ghi chép sổ sách, hạch toán chi phí, lưu trữ chứng từ tại các Phòng/Ban Công ty.

Phối hợp cùng kiểm toán nội bộ để thực hiện các công việc kiểm tra, kiểm soát tại văn phòng Công ty và các chi nhánh nhằm nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra.

Thẩm định các báo cáo tài chính, đánh giá phân tích tình hình tài chính cũng như việc bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu một cách trung thực và khách quan.

Thông qua chương trình kiểm toán và trực tiếp tham gia quyết toán Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty cùng đơn vị kiểm toán độc lập.

Thực hiện nhiệm vụ khác của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.





BÁO CÁO CHI TRẢ THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Năm 2024, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không có hiệu quả (lỗ), căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty không thực hiện chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Công ty chỉ thực hiện trả lương chuyên trách cho Phó chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát.



KẾ HOẠCH CHI TRẢ THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Năm 2025 Hội đồng quản trị gồm 05 người, Ban kiểm soát gồm 03 người. Mức thù lao cho năm 2025 cho HĐQT và BKS đề nghị như sau:

Chủ tịch Hội đồng quản trị:	5.000.000 đồng/tháng
Phó chủ tịch Hội đồng quản trị:	hưởng lương chuyên trách
Thành viên Hội đồng quản trị:	3.000.000 đồng/tháng
Trưởng Ban kiểm soát:	hưởng lương chuyên trách
Thành viên Ban kiểm soát:	2.000.000 đồng/tháng

Ghi chú: Trường hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty không có hiệu quả (lỗ) thì sẽ không chi thù lao HĐQT và BKS.







BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)

A member of  international

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 48
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300632232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 13 tháng 09 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Anh Tùng	Chủ tịch
Ông Tống Xuân Phú	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên
Ông Võ Văn Nghi	Thành viên
Ông Huỳnh Chí Quyền	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc
Ông Diệu Quang Trung	Phó Giám đốc
Bà Bùi Thị Ánh Tuyết	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Đình Vũ	Trưởng ban
Bà Đỗ Thị Kim Anh	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Hải	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Nguyễn Quốc Dũng - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được lập ngày 24 tháng 03 năm 2025, từ trung 05 đến trung 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tính hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày ứng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Phạm Văn Sang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3864-2023-002-1

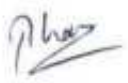
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		391.654.930.723	468.673.047.421
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	6.671.135.245	24.814.475.638
111	1. Tiền		6.671.135.245	24.814.475.638
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	5.250.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.250.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		113.621.818.220	218.922.087.223
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	126.456.635.514	228.935.264.772
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	2.609.314.558	1.771.874.191
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	3.264.500.490	6.037.641.322
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	08	(18.708.632.342)	(17.828.169.880)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	5.476.814
140	III. Hàng tồn kho	09	238.518.370.241	206.304.209.163
141	1. Hàng tồn kho		249.240.119.892	214.340.125.650
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.721.749.651)	(8.035.916.489)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		27.593.607.017	18.632.275.397
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	1.074.229.470	1.517.548.900
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		25.857.663.626	16.455.096.985
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	661.713.921	659.629.512
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		59.713.907.877	62.866.750.530
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		619.886.914	1.453.750.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	619.886.914	1.453.750.000
220	II. Tài sản cố định		27.656.888.161	31.533.156.929
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	21.868.394.087	25.274.447.358
222	- Nguyên giá		152.581.341.374	152.897.133.550
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(130.712.947.487)	(127.616.686.192)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	1.181.417.642	1.478.837.450
225	- Nguyên giá		2.974.198.190	2.974.198.190
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.792.780.548)	(1.495.380.740)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	4.607.076.432	4.779.872.121
228	- Nguyên giá		9.261.423.802	9.261.423.802
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.654.347.370)	(4.481.551.681)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	173.625.530	288.595.761
231	- Nguyên giá		1.922.357.945	1.838.356.870
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.748.732.415)	(1.549.761.109)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.873.604.417	4.873.604.417
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	4.873.604.417	4.873.604.417
260	V. Tài sản dài hạn khác		26.389.902.855	24.717.643.423
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	19	14.257.443.360	13.583.757.547
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	35 a	12.132.459.495	11.133.885.876
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		451.368.838.600	531.539.797.951

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		328.597.688.110	360.576.581.668
310	I. Nợ ngắn hạn		321.919.254.312	352.261.852.922
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	165.291.362.742	186.585.958.947
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	345.406.885	913.401.093
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	7.544.737.397	8.209.698.709
314	4. Phải trả người lao động		7.149.214.879	8.524.620.145
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	4.852.078.703	8.390.390.940
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		59.987.324	61.687.501
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	12.836.477.191	23.305.151.096
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	123.758.110.782	116.210.062.434
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		81.878.409	60.882.057
330	II. Nợ dài hạn		6.678.433.798	8.314.728.746
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	1.316.854.000	1.602.854.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	348.285.000	1.698.579.948
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35	5.013.294.798	5.013.294.798
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		122.771.150.490	170.963.216.283
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	122.771.150.490	170.963.216.283
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		105.300.000.000	105.300.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		105.300.000.000	105.300.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		782.715.818	782.715.818
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	23	14.760.005.246	14.149.002.516
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		62.507.094.322	62.487.685.785
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(70.980.439.093)	(22.297.069.372)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(22.412.015.010)	11.264.950.822
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(48.568.424.083)	(33.562.020.194)
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		10.401.774.197	10.540.881.536
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		451.368.838.600	531.539.797.951


Đinh Hoàng Phát
Người lập
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025


Phùng Thái Phương Trang
Kế toán trưởng
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

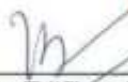

Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	885.499.684.027	1.062.361.690.247
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	21.813.253.368	14.351.008.644
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		863.686.430.659	1.048.010.681.603
11	4. Giá vốn hàng bán	27	718.229.174.100	889.540.379.101
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		145.457.256.559	158.470.302.502
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	11.350.039.510	12.499.866.536
22	7. Chi phí tài chính	29	32.701.726.136	53.358.428.556
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.704.816.633	13.222.120.755
24	8. Chi phí bán hàng	30	127.496.938.714	130.266.305.821
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	26.225.002.135	29.060.515.187
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(49.616.370.916)	(41.715.080.326)
31	11. Thu nhập khác	32	5.083.726.078	5.033.813.248
32	12. Chi phí khác	33	1.409.808.095	1.821.963.684
40	13. Lợi nhuận khác		3.673.917.983	3.211.849.564
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(45.942.452.933)	(38.503.230.762)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	3.244.247.364	4.195.068.524
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35	(998.573.619)	(9.563.252.601)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(48.188.126.078)	(33.135.046.685)
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(48.499.527.359)	(33.481.640.682)
62	19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		311.400.681	346.593.997
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	(4.606)	(3.180)


Đinh Hoàng Phát
Người lập
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025


Phùng Thái Phương Trang
Kế toán trưởng
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025


Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(45.942.452.933)	(38.503.230.762)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.901.925.518	5.775.321.401
03	- Các khoản dự phòng		3.566.295.620	8.324.082.833
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		419.044.631	(2.234.530.023)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(310.747.227)	(162.295.907)
06	- Chi phí lãi vay		8.704.816.633	13.222.120.755
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(28.661.117.758)	(13.578.551.793)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		96.146.304.970	(56.994.439.225)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(34.899.994.236)	174.288.139.487
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(31.126.719.010)	23.927.307.879
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(693.055.175)	(693.699.945)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.716.711.807)	(13.384.032.607)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.414.134.854)	(6.907.551.088)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(227.381.493)	(6.646.951.328)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.594.809.363)	100.010.221.479
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(358.000.000)	(2.836.243.526)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		295.272.727	177.991.274
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.250.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		47.665.194	45.734.771
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.265.062.079)	(2.612.517.481)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		482.414.302.657	515.238.594.075
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(475.767.397.849)	(593.654.032.693)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(449.151.408)	(565.763.856)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.259.373.685)	(11.915.294.065)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.061.620.285)	(90.896.496.539)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(18.921.491.727)	6.501.207.450

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		24.814.475.638	25.464.897.990
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		778.151.334	(7.151.629.792)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	6.671.135.245	24.814.475.638

Đinh Hoàng Phát
Người lập

Phùng Thái Phương Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300632232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 13 tháng 09 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 105.300.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 105.300.000.000 VND; tương đương 10.530.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 457 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 501 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hòa chất khác dùng trong nông nghiệp;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán phân bón, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường và còn nhiều thách thức, nền kinh tế khó khăn làm cho phần lớn các hoạt động kinh doanh bị giảm sút, xu thế hiện đại hóa, công nghiệp hóa dẫn đến diện tích trồng trọt trong nông nghiệp ngày càng giảm, cộng với sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ cùng ngành dẫn đến giá bán thuốc bảo vệ thực vật năm nay giảm so với năm trước và làm cho tổng doanh thu năm nay giảm 176,9 tỷ VND (tỷ lệ giảm 16,65%) so với năm trước. Đồng thời, giá nhập mua nguyên vật liệu trong năm cũng đã hạ nhiệt làm cho giá vốn hàng bán giảm 171,3 tỷ VND (tỷ lệ giảm 19,26%) so với năm trước. Bên cạnh đó, các khoản giảm trừ doanh thu năm nay tăng 7,46 tỷ VND (tỷ lệ tăng 52,0%), ảnh hưởng làm cho Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 13,01 tỷ VND so với năm trước.

Cấu trúc Doanh nghiệp

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Lào	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	100%	100%	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Cambodia	Vương quốc Campuchia	100%	100%	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa	Tỉnh Long An	61,74%	61,74%	Kinh doanh bách hóa, xăng dầu, thuốc bảo vệ thực vật

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản cho vay và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được định giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc định giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính (nếu chênh lệch không vượt quá 3%).

Báo cáo tài chính Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản theo tỷ giá 1,1534 VND/LAK và nợ phải trả theo tỷ giá 1,1879 VND/LAK theo tỷ giá được công bố tại Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt tại ngày 31/12/2024, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính là 1,0982 VND/LAK.

Báo cáo tài chính Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Campuchia lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản theo tỷ giá 6,250 VND/KHR và nợ phải trả theo tỷ giá 6,329 VND/KHR theo tỷ giá được công bố tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia tại ngày 31/12/2024, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính là 6,140 VND/KHR.

2.7 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá khi định giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.8 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lên vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, hồ sơ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vớt hòa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 09 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	05 năm

2.13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
--------------------------	--------

2.14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.15. Thuế hoạt động

Thuế hoạt động là loại hình thuế tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuế hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.16. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải trả.

Phương pháp kế toán đối với BCC phân chia lợi nhuận sau thuế: Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lợi nhuận theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

2.17. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo chủ việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Chi phí bảo hiểm ngắn hạn bao gồm các bảo hiểm con người và bảo hiểm xe, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng dưới 12 tháng.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí thuê kho được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ dưới 12 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí dịch vụ mua phần mềm, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng.

2.18. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.19. Vay và nợ phải trả thuế tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuế tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.21. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí chiết khấu, khuyến mãi, chi phí lãi vay... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.22. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.23. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tính hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bỏ trừ chứng khoán Việt Nam.

2.24. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.25. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm tài chính và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm tài chính kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.27. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại
- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành đối với thu nhập tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 tại các đơn vị như sau:

- Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa: thuế suất 20%;
- Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào: thuế suất 20%;
- Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Cambodia: thuế suất 20%.

2.29. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khẩn trương, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.30 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.31 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cửa phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh mà chỉ lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.349.570.490	4.046.937.642
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.321.564.755	20.567.537.996
Tiền đang chuyển	-	200.000.000
	6.671.135.245	24.814.475.638

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng (*)	5.250.000.000	-	-	-
	5.250.000.000	-	-	-

(*) Tại ngày 31/12/2024, các đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 5.250.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn với lãi suất 4,5%/năm, các khoản tiền gửi có kỳ hạn được đúng để thế chấp bảo đảm cho khoản vay tại thời điểm cuối năm (Xem thuyết minh số 21 - Vay và nợ thuê tài chính).

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	573.038	-	189.458.775	-
Công ty TNHH Thương mại Nông Phú	573.038	-	189.458.775	-
Bên khác	126.456.062.476	(17.849.714.485)	228.745.805.997	(16.969.519.283)
Đại lý Houy Heng	996.386.481	-	6.853.277.308	-
Đại lý Sear Kim Seu	2.034.848.813	-	6.828.134.917	-
Đại lý Chhun Hong	5.200.026.550	-	8.466.831.177	-
Cửa hàng Vật tư Công nghiệp Nông nghiệp Đảo Công An	3.406.780.174	(395.246.803)	5.147.849.881	(335.387.536)
Đại lý Nguyễn Thanh Hùng	3.386.983.683	(3.386.983.683)	3.389.393.558	(3.389.393.558)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Long Huy Bảo	3.275.568.294	(3.275.568.294)	3.275.568.294	(3.275.568.294)
Đại lý Võ Hoàng Dũng	1.519.322.700	-	13.330.146.822	-
Hệ kinh doanh Hoàng Đình Thiển Hộ I	3.088.789.200	-	11.373.969.810	-
Hệ kinh doanh Phạm Trường Giang	405.119.015	-	5.514.961.500	-
Đại lý Nứt Thông	-	-	3.395.004.134	-
Hệ kinh doanh Sơn - Hải	2.613.130.000	(1.713.130.000)	2.613.130.000	(1.713.130.000)
Đại lý Trương Thị Huệ	5.719.415.906	-	17.314.589.632	-
Shwe Dar Company Limited	1.102.264.991	(729.065.480)	1.090.857.712	(530.028.097)
Các đối tượng khác	93.707.226.669	(8.349.720.225)	140.152.091.252	(7.726.011.798)
	126.456.062.476	(17.849.714.485)	228.745.805.997	(16.969.519.283)

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Close Friend Co., Ltd	419.760.000	(419.760.000)	419.760.000	(419.760.000)
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Công Liên	-	-	136.400.000	(136.400.000)
Công ty Cổ phần Thực phẩm dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	937.164.691	-	-	-
Các đối tượng khác	1.252.389.867	(160.400.000)	1.215.714.191	(24.000.000)
	<u>2.609.314.558</u>	<u>(580.160.000)</u>	<u>1.771.874.191</u>	<u>(580.160.000)</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chỉ tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi	21.082.192	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	55.837.227	-	48.460.776	-
Tạm ứng	491.821.478	-	1.344.805.704	-
Ký cược, ký quỹ	151.000.000	-	187.511.914	-
Phải thu từ nguồn Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	816.679.675	-
Phải thu góp vốn liên doanh ⁽⁷⁾	250.000.000	-	-	-
Phải thu khác	2.294.759.593	(278.757.857)	3.640.183.253	(278.490.597)
	<u>3.264.500.490</u>	<u>(278.757.857)</u>	<u>6.037.641.322</u>	<u>(278.490.597)</u>

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a.2) Bên liên quan	258.000.000	-	-	-
Cơ sở sản xuất Nước Việt ⁽⁷⁾	250.000.000	-	-	-
Bên khác	<u>3.014.500.490</u>	<u>(278.757.857)</u>	<u>6.037.641.322</u>	<u>(278.490.597)</u>
NGC Agrosiences Int'l Co., Limited	130.032.000	-	-	-
Cửa hàng Vật tư Công nghiệp Nông nghiệp Đáo Công An	131.269.500	-	143.727.500	-
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	302.408.083	-	241.764.712	-
Các đối tượng khác	2.450.790.907	(278.757.857)	5.652.149.110	(278.490.597)
	<u>3.264.500.490</u>	<u>(278.757.857)</u>	<u>6.037.641.322</u>	<u>(278.490.597)</u>
b) Dài hạn				
b.1) Chỉ tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	619.886.914	-	603.750.000	-
Phải thu góp vốn liên doanh ⁽⁷⁾	-	-	850.000.000	-
	<u>619.886.914</u>	<u>-</u>	<u>1.453.750.000</u>	<u>-</u>
b.2) Chỉ tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	-	-	<u>850.000.000</u>	-
Cơ sở sản xuất Nước Việt ⁽⁷⁾	-	-	850.000.000	-
Bên khác	<u>619.886.914</u>	<u>-</u>	<u>603.750.000</u>	<u>-</u>
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	320.821.000	-	320.821.000	-
Các đối tượng khác	299.065.914	-	282.929.000	-
	<u>619.886.914</u>	<u>-</u>	<u>1.453.750.000</u>	<u>-</u>

(*) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 23/NQ-HĐQT ngày 17/05/2024, Công ty đã giảm một phần vốn góp tại Cơ sở sản xuất Nước Việt với giá trị 600 triệu VND. Tại ngày 31/12/2024, Khoản góp vốn liên doanh vào Cơ sở sản xuất Nước Việt còn lại 250.000.000 VND (tương đương tỷ lệ 80% giá trị hợp đồng) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2024/HĐLD ngày 01/06/2024; trong đó Công ty cử người quản lý, người quản lý có trách nhiệm quyết định các vấn đề liên quan đến kinh doanh. Thời gian thực hiện từ ngày 01/06/2024 đến ngày 31/12/2025, lợi nhuận được phân chia từ kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ thực tế vốn góp.

8. NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	25.757.639.093	7.907.924.608	22.142.789.449	5.173.270.166
- Đại lý Nguyễn Thanh Hùng	3.386.983.683	-	3.389.393.558	-
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Long Huy Bảo	3.275.568.294	-	3.275.568.294	-
- Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Thiên An	1.310.622.033	-	1.310.622.033	-
- Các đối tượng khác	17.784.465.083	7.907.924.608	14.167.205.564	5.173.270.166
Phải thu ngắn hạn khác	278.757.857	-	278.490.597	-
- Hồ Ngọc Phương	141.888.836	-	141.888.836	-
- Các đối tượng khác	136.869.021	-	136.601.761	-
Trá trước cho người bán ngắn hạn	580.160.000	-	580.160.000	-
- Close Friend Co.,Ltd	419.760.000	-	419.760.000	-
- Các đối tượng khác	160.400.000	-	160.400.000	-
	26.616.556.950	7.907.924.608	23.001.440.046	5.173.270.166

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	69.410.981.445	(23.829.589)	58.502.393.810	-
Công cụ, dụng cụ	61.851.945	-	138.445.629	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.083.600	-	82.900.829	-
Thành phẩm	135.373.722.651	(9.769.847.701)	102.445.746.357	(7.358.903.893)
Hàng hoá	44.361.480.251	(928.072.361)	51.384.796.664	(677.012.600)
Hàng gửi đi bán	-	-	1.585.842.367	-
	249.240.119.892	(10.721.749.651)	214.346.125.656	(8.035.916.493)

Một số hàng tồn kho dùng để thế chấp bảo đảm cho khoản vay tại thời điểm cuối năm (Xem thuyết minh số 21 - Vay và nợ thuê tài chính).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công trình phục vụ nông nghiệp dự án 7,3 ha Khu phố 10, Phường 12, Thị xã Kiến Tường (*)	3.931.258.900	3.931.258.900
- Dự án kho Long An	311.866.029	311.866.029
- Dự án mở rộng kho Cần Thơ	158.386.306	158.386.306
- Mua sắm tài sản	290.275.000	290.275.000
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	181.818.182	181.818.182
	4.873.604.417	4.873.604.417

(*) Công trình phục vụ nông nghiệp dự án 7,3 ha (thực tế mua 47.433 m²) tại Khu phố 10, Phường 2, Thị xã Kiến Tường. Giá trị các thửa đất số 302, 843, 844, 756 theo tờ bản đồ số 6 tại Phường 2, Thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An với số tiền 3.931.258.900 VND đã được chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên ông Nguyễn Văn Bé Hai dùng tên thay Công ty theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT ngày 29/10/2019. Tuy nhiên, hiện tại dự án đã ngưng hoạt động và Công ty chưa có quyết định xử lý về số tiền này.

11 - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	66.534.390.553	45.513.898.319	37.094.744.223	2.210.091.546	1.135.108.907	152.891.133.550
- Mua trong năm	-	95.000.000	-	263.000.000	-	358.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(589.006.891)	(467.633.745)	-	-	(1.056.640.636)
- Chuyển lịch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	-	2.817.665	386.030.095	-	-	388.848.660
Số dư cuối năm	66.534.390.553	45.024.709.093	37.413.141.473	2.473.091.546	1.135.108.907	152.581.341.574
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	53.850.537.943	40.264.693.673	30.352.972.219	2.013.373.450	1.135.108.907	127.616.686.192
- Khấu hao trong năm	1.204.109.510	1.190.911.334	1.355.273.395	94.613.183	-	3.844.997.442
- Thanh lý, nhượng bán	-	(589.006.891)	(414.360.859)	-	-	(1.003.367.750)
- Chuyển lịch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	-	2.128.556	252.503.947	-	-	254.631.603
Số dư cuối năm	54.054.737.473	40.868.726.672	31.546.387.802	2.107.986.633	1.135.108.907	130.712.947.487
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	12.683.852.612	5.251.204.646	7.141.772.004	197.618.096	-	25.274.447.358
Tại ngày cuối năm	11.479.653.082	4.155.982.421	5.866.753.671	366.004.913	-	21.868.394.087

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp bảo đảm các khoản vay: 6.829.145.888 VND;
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 106.184.215.251 VND.

12 - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	2.974.198.190	2.974.198.190
Số dư cuối năm	2.974.198.190	2.974.198.190
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.495.360.740	1.495.360.740
- Khấu hao trong năm	297.419.808	297.419.808
Số dư cuối năm	1.792.780.548	1.792.780.548
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.478.837.450	1.478.837.450
Tại ngày cuối năm	1.181.417.642	1.181.417.642

13 - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Bản quyền, Bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	7.999.969.934	533.175.000	728.278.868	9.261.423.802
Số dư cuối năm	7.999.969.934	533.175.000	728.278.868	9.261.423.802
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.252.181.130	533.175.000	696.195.551	4.481.551.681
- Khấu hao trong năm	140.712.372	-	32.083.317	172.795.689
Số dư cuối năm	3.392.893.502	533.175.000	728.278.868	4.654.347.370
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	4.747.788.804	-	32.083.317	4.779.872.121
Tại ngày cuối năm	4.607.076.432	-	-	4.607.076.432

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để chấp bảo đảm các khoản vay: 4.101.636.432 VND;
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.874.946.620 VND.

14 - BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là Nhà cửa, vật kiến trúc cho thuê tại Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại 31/12/2024 lần lượt là 1.922.357.945 VND và 1.748.732.415 VND. Chi phí khấu hao đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm là 122.023.787 VND. Chuyển lịch tỷ giá do chuyển đổi BCTC đối với nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 84.001.075 VND và 76.947.519 VND.

Trong năm, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 134.782.858 VND (năm 2023 là 103.599.795 VND). Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được định giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	243.430.755	341.229.376
Chi phí sửa chữa TSCĐ	98.541.012	-
Chi phí bảo hiểm	290.969.085	533.396.488
Chi phí thuê kho	154.376.539	348.884.602
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	286.912.079	294.038.436
	1.074.229.470	1.517.548.900
b) Dài hạn		
Chi phí cải tạo đất thuê	139.692.050	146.946.722
Công cụ dụng cụ xuất dùng	266.662.477	46.374.962
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.452.882.213	419.242.846
Chi phí thuê đất Hiệp Phước (*)	12.081.908.711	12.546.597.503
Chi phí trả trước dài hạn khác	316.297.909	424.595.504
	14.257.443.360	13.583.757.547

(*) Khoản chi phí thuê đất trả trước cho diện tích 42.123 m² thuộc lô C1 - C2 tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 80/HDĐT.05 ngày 27/06/2005 và Phụ lục hợp đồng số 09 ngày 28/07/2008 giữa Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Tân Thuận, thời hạn thuê là 44 năm tính từ ngày 27 tháng 6 năm 2005. Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất này đang được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Xem chi tiết thuyết minh 21).

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	8.813.149.461	8.813.149.461	6.085.309.342	6.085.309.342
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nam Long Phát	8.813.149.461	8.813.149.461	6.085.309.342	6.085.309.342
Bên khác	156.478.213.281	156.478.213.281	180.500.649.605	180.500.649.605
Eastchem Co., Ltd	25.617.304.845	25.617.304.845	28.959.286.400	28.959.286.400
Kolon Global Corporation	16.748.169.480	16.748.169.480	9.033.856.000	9.033.856.000
Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd	11.434.072.500	11.434.072.500	15.882.155.200	15.882.155.200
Hebei Huyang Import & Export Co., Ltd	-	-	6.043.392.000	6.043.392.000
Jiangsu Sinamyang International Group Co., Ltd	26.111.540.393	26.111.540.393	39.811.444.177	39.811.444.177

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Hikal Limited	1.900.994.400	1.900.994.400	6.090.240.000	6.090.240.000
Phải trả các đối tượng khác	74.666.131.663	74.666.131.663	74.680.275.828	74.680.275.828
	165.291.362.742	165.291.362.742	186.585.958.947	186.585.958.947

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	300.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Nông Phú	300.000	-
Bên khác	345.106.885	913.401.093
- Công ty Cổ phần Thương mại Bảo vệ Thực vật Minh Khai	156.489.707	-
- Công ty Cổ phần Hưng Bình	80.515.870	-
- Asian Crops Global Company Limited	-	743.932.800
- Phải trả các đối tượng khác	108.101.308	169.468.293
	345.406.885	913.401.093

18 - THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Chênh lệch tỷ giá dự chuyển dài BCTC		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		-	1.159.099.076	14.702.317.862		15.640.592.106		-		-		220.824.832	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-	-	1.393.241.541		1.393.241.541		-		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	652.461.130		1.808.621.559	3.244.247.364	4.414.134.854		4.414.134.854		10.077.851		652.461.130		648.811.920	
Thuế Thu nhập cá nhân	7.168.382		367.007.346	2.463.311.223	2.473.462.079		2.473.462.079		20.390.742		9.252.791		379.331.641	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		4.849.542.586	7.165.231.514	5.789.134.776		5.789.134.776		-		-		6.225.639.324	
Các loại thuế khác	-		-	-	28.000.000		28.000.000		-		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		25.428.142	804.209.376	759.507.838		759.507.838		-		-		70.129.680	
	659.629.512		8.209.698.709	29.800.558.880	30.498.073.194		30.498.073.194		30.468.593		661.713.921		7.544.737.297	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 - CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
Chi phí lãi vay	145.283.868		157.179.042	
Chiết khấu thương mại	4.675.974.835		8.233.211.898	
Chi phí phải trả khác	30.820.000		-	
	4.852.078.703		8.390.390.940	

20 - PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
a) Ngân hạn				
Kinh phí công đoàn	106.402.438		446.056.500	
Các khoản bảo hiểm	906.457.989		12.684.903	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	132.800.000		72.800.000	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.443.400.283		8.336.209.968	
Phải trả về chương trình bán hàng	3.092.485.772		1.870.376.312	
Phải trả lãi ký quỹ	22.444.071		24.282.175	
Phải trả về hỗ trợ phí vận chuyển	29.470.484		77.429.943	
Phải trả chiết khấu thanh toán	88.043.567		52.461.325	
Phải trả CBCNV tiền bồi dưỡng độc hại	-		446.031.699	
Phải trả về nhận đổi hàng cho khách hàng	5.888.049.986		9.656.100.125	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.126.922.581		2.310.718.146	
	12.836.477.191		23.305.151.096	
b) Dài hạn				
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.316.854.000		1.602.854.000	
	1.316.854.000		1.602.854.000	
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan				
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	-		6.247.020.000	
Cơ sở sản xuất Nước Việt	100.642.175		627.044.114	
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nam Long Phát	-		30.000.000	
Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hòa Sinh	425.000.000		425.000.000	
Công ty TNHH Thương mại Nông Phú	7.579.499		13.250.000	
	533.221.674		7.342.314.114	

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2024			Trong năm			31/12/2024		
	Giá trị	Số có	Số nợ	Tăng	Giảm		Giá trị	Số có	Số nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn									
Vay ngắn hạn									
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	113.590.371.026	113.590.371.026		482.414.302.657	472.896.507.849	123.108.165.834	123.108.165.834		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh ⁽²⁾	30.959.705.345	30.959.705.345		115.695.940.993	95.957.810.590	50.698.235.748	50.698.235.748		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An - PGD Mộc Hóa ⁽³⁾	39.676.011.607	39.676.011.607		110.011.175.830	94.647.935.118	55.039.252.319	55.039.252.319		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An ⁽⁴⁾	8.429.858.105	8.429.858.105		147.371.567.656	154.501.425.761	1.300.000.000	1.300.000.000		
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long An ⁽⁵⁾	4.553.957.961	4.553.957.961		34.638.729.118	37.992.687.079	1.200.000.000	1.200.000.000		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽⁶⁾	22.026.384.818	22.026.384.818		47.117.462.513	56.077.382.145	13.066.465.186	13.066.465.186		
- Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	7.874.453.190	7.874.453.190		25.845.213.966	33.719.667.156	-	-		
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽⁸⁾	-	-		1.734.212.581	-	1.734.212.581	1.734.212.581		
- Vay cá nhân ⁽⁷⁾	70.000.000	70.000.000		-	-	70.000.000	70.000.000		

12/08/2024

30

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	01/01/2024			Trong năm			31/12/2024		
	Giá trị	Số có	Số nợ	Tăng	Giảm		Giá trị	Số có	Số nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả									
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	2.619.691.408	2.619.691.408		1.350.294.948	3.320.041.408	649.944.948	649.944.948		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽⁹⁾	1.417.200.000	1.417.200.000		-	1.417.200.000	-	-		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽⁸⁾	387.940.000	387.940.000		387.940.000	387.940.000	387.940.000	387.940.000		
- Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	365.400.000	365.400.000		700.350.000	1.065.750.000	-	-		
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽⁹⁾	449.151.408	449.151.408		262.004.948	449.151.408	262.004.948	262.004.948		
116.210.062.434	116.210.062.434	116.210.062.434	483.764.597.605	476.216.549.257	123.758.110.782	123.758.110.782	123.758.110.782		
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn									
Vay dài hạn									
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	3.607.115.000	3.607.115.000		-	2.870.890.000	736.225.000	736.225.000		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽⁸⁾	1.417.200.000	1.417.200.000		-	1.417.200.000	-	-		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽⁸⁾	1.124.165.000	1.124.165.000		-	387.940.000	736.225.000	736.225.000		
- Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	1.065.750.000	1.065.750.000		-	1.065.750.000	-	-		

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ thuế tài chính dài hạn	711.156.356	711.156.356	-	449.151.408	262.004.948	262.004.948
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ^(a)	711.156.356	711.156.356	-	449.151.408	262.004.948	262.004.948
	4.318.271.356	4.318.271.356	-	3.320.041.408	998.229.948	998.229.948
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.619.691.408)	(2.619.691.408)	(1.330.294.948)	(3.320.041.408)	(649.944.948)	(649.944.948)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	1.698.579.948	1.698.579.948			348.285.000	348.285.000
c) Các khoản vay đối với các bên liên quan						
	Mối quan hệ		31/12/2024		01/01/2024	
			Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
			VND	VND	VND	VND
- Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giảm độc Công ty		54.000.000	-	54.000.000	-

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

STT	Hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất	Thời hạn	Điều kiện bảo đảm (*)	Mục đích vay	31/12/2024	01/01/2024
							VND	VND
(1)	Nợ ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh							
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 235/2023-HĐC/VTD/06/HC/TN02-SPC, ngày 08/11/2023	110.000.000.000 VND		Thun tăng giảm ngắn hạn	Thun tăng giảm ngắn hạn	Thun tăng giảm ngắn hạn		
	Vào bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 235/2023-HĐC/VTD/06/08/01/HĐC/TN02-SPC, ngày 18/11/2024							
	Thun chấp Quyết định của Hội đồng quản trị và Hội đồng giám đốc của Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1790/LC/2015/09650 - Ký ngày: 25 tháng 09 năm 2015 và các Hợp đồng mua đất để xây dựng							
							30.698.233.748	30.099.966.243
(2)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh							
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 235/2023-HĐC/VTD/06/HC/TN02-SPC, ngày 08/11/2023	120.000.000.000 VND		Thun tăng giảm ngắn hạn	Thun tăng giảm ngắn hạn	Thun tăng giảm ngắn hạn		
	Vào bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 235/2023-HĐC/VTD/06/08/01/HĐC/TN02-SPC, ngày 18/11/2024							
	Thun chấp Quyết định của Hội đồng quản trị và Hội đồng giám đốc của Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1790/LC/2015/09650 - Ký ngày: 25 tháng 09 năm 2015 và các Hợp đồng mua đất để xây dựng							
							55.030.252.310	39.676.011.607
(3)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An - PGD Hiệp Hòa							
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 2399/0005/2023-HĐC/VTD/06/08/01/HĐC/TN02-SPC, ngày 18/11/2024	37.000.000.000 VND		Thun tăng giảm ngắn hạn	Thun tăng giảm ngắn hạn	Thun tăng giảm ngắn hạn		
	Vào bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 2399/0005/2023-HĐC/VTD/06/08/01/HĐC/TN02-SPC, ngày 18/11/2024							
	Không quá 06 tháng kể từ ngày cấp quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 111/059, U 862/203, U 862/205, ngày 01 tháng 05 năm 2015 và các Hợp đồng mua đất để xây dựng							
							1.200.000.000	8.428.858.105

Tương tự chỉ số liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (nợp short)

STT	Hợp đồng	Hạng ưu đãi	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	31/12/2024	01/01/2025
							VND	VND
6)	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Long An Hợp đồng cấp tín dụng số 0007/KHDPQ21LD ngày 01/05/2021 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 04/CV/0007/KHDPQ21LD ngày 14/05/2024.	15.000.000.000 VND	Theo tính gộp trên	Khoảng 04-06 tháng để sử dụng và không quá 03 tháng để với hàng khách hóa ứng hợp.	QSDH số 11602262 và tài sản thế chấp là vật tư nông nghiệp và khách sạn.	Tư sự của các tín dụng ngân hàng hợp pháp hợp lý.	1.200.000.000	4.553.957.961
6)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1746/2024-SVTH060610TH3 ngày 31/03/2024)	38.500.000.000 VND	Theo tính gộp trên	Theo tính gộp trên	Thủ chấp tài sản theo Hợp đồng không có chấp tài sản	Hỗ trợ vốn lưu động, bán hàng mới 1-2 phân vụ hoạt động kinh doanh.	13.066.465.186	22.026.384.818
6)	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn Hợp đồng tín dụng số 02280620/KHDPQ21LD ngày 25/11/2024 và Hợp đồng cho vay theo số 0280620/KHDPQ21LD34-01 ngày 20/12/2024.	31.000.000.000 VND	Theo tính gộp trên	Theo tính gộp trên	Tư sản của cả là tiền gửi và tiền gửi tại Ngân hàng với số tiền 3.000.000.000 VND và toàn bộ số tiền từ phát hành (nếu có) theo Hợp đồng của Công ty số 0148520N/KHDPQ21LD ngày 25/11/2024, Hàng hóa bảo chuyển trong quá trình vận chuyển hàng hóa theo Hợp đồng thuê vận chuyển hàng hóa số 0149520N/KHDPQ21LD ngày 25/11/2024.	Thanh toán hàng và Thanh toán chi phí công cấp	1.334.112.581	-
7)	Vay cơ sở	8% năm			Tư sản	Thư sản	70.000.000	70.000.000

(*) Các khách sạn và cơ sở chữa trị được khác đã được báo danh bằng các hợp đồng để chấp thuận tiền cho vay như và đã được được ký giao dịch báo danh này.

Thông tin chi tiết tiếp quan đến các khóa học dài hạn:

STT	Hợp đồng	Hạng mục	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm (**)	Mức định vay	31/12/2024	01/01/2024
							VND	VND
(0)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn							
	Hợp đồng tín dụng số 1375/2021/ST78006/10TDT ngày 25/08/2021	7,2%/năm từ ngày 24/08/2021 đến 31/08/2022. Từ ngày 01/09/2022 đến 30/08/2023 lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần	293.160.000 VND	60 tháng	Thủ chấp tài sản kinh thành từ vốn vay	Dầu tự máy các kỳ 3M4 Model 8500 GC System do Agilent Technologies Síp sản xuất	377.585.000	436.393.000
	Hợp đồng tín dụng số 238/2021/ST78006/10TDT ngày 20/12/2021	7,5%/năm từ ngày giải ngân đến hết đến 31/12/2022. Từ ngày 01/01/2023 đến hết cuối điều chỉnh 6 tháng/lần	1.146.600.000 VND	60 tháng	Thủ chấp tài sản kinh thành từ vốn vay	Dầu tự 04 cơ sở tại thành phố Hồ Chí Minh (Trong đó) khác biệt 3M4 Frontier K250	439.640.000	487.900.000

Phong tin chỉ để làm quen đến các thuốc sự thật rất nhiều.

(24) Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác đã được trả lãi theo kỳ hạn dịch báo cáo đầy đủ.

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

22 - VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND		VNĐ		VNĐ		VNĐ		VNĐ	
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng			
Số dư đầu năm trước	105.300.000.000	782.715.818	22.210.648.004	68.123.450.469	41.434.356.894	10.684.188.041	240.535.359.226			
Lãi lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(33.481.640.682)	346.593.997	(33.135.046.685)			
Chưa có từ:	-	-	-	-	(17.901.000.000)	(366.564.000)	(18.207.564.000)			
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.364.235.316	(2.337.847.866)	(26.387.450)	-			
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.005.166.809)	(47.128.564)	(6.052.295.433)			
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(515.379.512)	(49.820.488)	(365.200.000)			
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-			
Truy thu thuế tại công ty con	-	-	-	-	(3.400.391.337)	-	(3.400.391.337)			
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-	-			
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	-	-	(8.061.645.488)	-	-	-	(8.061.645.488)			
Số dư cuối năm trước	105.300.000.000	782.715.818	14.149.002.516	62.487.685.785	(22.297.069.372)	10.540.881.536	170.963.216.283			

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

22 - VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND		VNĐ		VNĐ		VNĐ		VNĐ	
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng			
Số dư đầu năm nay	105.300.000.000	782.715.818	14.149.002.516	62.487.685.785	(22.297.069.372)	10.540.881.536	170.963.216.283			
Lãi lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(48.499.527.359)	311.400.681	(48.188.126.678)			
Chưa có từ:	-	-	-	-	-	(366.564.000)	(366.564.000)			
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	19.408.537	(19.408.537)	-	-			
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(66.537.101)	(41.240.744)	(107.777.845)			
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(97.896.724)	(42.703.276)	(140.600.000)			
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	-	-	611.002.730	-	-	-	611.002.730			
Số dư cuối năm nay	105.300.000.000	782.715.818	14.760.005.246	62.507.094.322	(70.980.439.093)	10.401.774.197	122.771.150.490			

Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 16/NQ/HĐHCTD ngày 28/06/2024 của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 17/NQ/HĐHCTD-MC ngày 25/04/2024 của Công ty Cổ phần Méc Hô và Công văn 551/TB-HVTVSG/TCCT ngày 13/06/2024 của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Công ty mẹ		Công ty Cổ phần Méc Hô		SPC Cam phân phối cho Công ty mẹ	
	Cộng ty mẹ	Cổ đông không kiểm soát	Cộng ty mẹ	Cổ đông không kiểm soát	Cộng ty mẹ	Cổ đông không kiểm soát
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2023	1.167.221.867	654.291.071	1.167.221.867	654.291.071	8.657.072.942	-
Trích Quỹ đầu tư phát triển	66.537.101	41.240.744	66.537.101	41.240.744	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	66.537.101	41.240.744	66.537.101	41.240.744	-	-
Thù lao HĐQT và BKS	68.896.724	42.703.276	68.896.724	42.703.276	-	-
Chí trả cổ tức	591.408.000	366.564.000	591.408.000	366.564.000	8.519.613.911	-
Lợi nhuận chưa phân phối	373.842.941	162.542.307	373.842.941	162.542.307	137.459.031	-

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty mẹ - Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - Công ty TNHH MTV	59,33	62.470.200.000	59,33	62.470.200.000
Các cổ đông khác	40,67	42.829.800.000	40,67	42.829.800.000
	100,00	105.300.000.000	100,00	105.300.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	105.300.000.000	105.300.000.000
- Vốn góp cuối năm	105.300.000.000	105.300.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	8.336.209.968	1.983.940.033
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	366.564.000	18.267.564.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	366.564.000	18.267.564.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(7.259.373.685)	(11.915.294.065)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(7.259.373.685)	(11.915.294.065)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.443.400.283	8.336.209.968

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.530.000	10.530.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.530.000	10.530.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.530.000	10.530.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.530.000	10.530.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.530.000	10.530.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	62.507.094.322	62.487.685.785
	62.507.094.322	62.487.685.785

23. CHÈNH LỆCH TỶ GIÁ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	14.149.002.516	22.210.648.004
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	611.002.730	(8.061.645.488)
- Do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	611.002.730	(8.061.645.488)
Số dư cuối năm	14.760.005.246	14.149.002.516

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty có ký Hợp đồng thuê đất tại các địa điểm sau:

Địa điểm thuê	Diện tích	Mục đích thuê	Hình thức thanh toán tiền thuê	Thời hạn thuê
Phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	7.720,8 m ²	Xây dựng nhà xưởng sản xuất, kho hàng và trạm xử lý chất thải	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Từ ngày 25/07/2000 đến ngày 01/01/2046; diện tích thuê đã được điều chỉnh giảm theo Quyết định 5236/QĐ-UBND ngày 11/10/2005.
Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	10.690 m ²	Xây dựng Trung tâm điều hành siêu thị nông nghiệp	Thuê đất trả tiền thuê đất một hoặc hai lần mỗi năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng.	50 năm kể từ ngày 24/11/2005
Thành phố Cần Thơ	3.640,5 m ²	Xây dựng nhà xưởng phân phối nông được	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Từ ngày 01/01/2006 đến hết ngày 01/10/2045
Lô C1 - C2 tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh	42.123 m ²	Xây dựng nhà xưởng sản xuất, kho hàng	Thuê đất trả tiền thuê đất một lần	44 năm tính từ ngày 27/06/2005
Quốc lộ 62, khu phố 6, phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An	150 m ²	Thuê kho để làm kho chứa các sản phẩm thuốc Bảo vệ thực vật và làm văn phòng	Thanh toán 2 đợt: đợt 1 vào ngày 01/01 hàng năm; đợt 2 vào ngày 01/07 hàng năm.	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2024, gia hạn đến 31/12/2025
Áp Bình Đông, xã Bình Hòa Trung, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An	3.215 m ²	Thuê mặt bằng để đậu phà phục vụ hoạt động kinh doanh ngành hàng xăng, dầu, nhớt các loại	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng tháng	05 năm, từ ngày 01/09/2019 đến hết ngày 30/04/2026
Thửa đất số 1276 - tờ bản đồ số 3, địa chỉ: xã Tuyền Thành, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An		Thuê mặt bằng để đậu phà phục vụ hoạt động kinh doanh ngành hàng xăng, dầu, nhớt các loại	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	05 năm, từ ngày 13/05/2024 đến hết ngày 12/05/2029

Địa điểm thuê	Diện tích	Mục đích thuê	Hình thức thanh toán tiền thuê	Thời hạn thuê
Số TA4, khu phố 3, thị trấn Thạnh Hòa, huyện Thạnh Hòa, tỉnh Long An	100 m ²	Thuê văn phòng để dành cho nhân viên và giao dịch với khách hàng	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Từ ngày 20/01/2022 đến ngày 19/01/2027
Khu phố 3, thị trấn Thạnh Hòa, huyện Thạnh Hòa, tỉnh Long An	2.944,04 m ²	Thuê nhà làm việc, đất ở để mở địa điểm kinh doanh xăng dầu, bãi đậu xe, bến thủy trung chuyển xăng dầu	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Từ ngày 20/01/2022 đến ngày 19/01/2027
Bán Hoại Hả, Huyện Bachiang, Tỉnh Champasak, Lào biên giới giáp bên theo số đất nhà nước số 65 ngày 09/09/2005	4.323 m ²	Xây dựng Trung tâm KM 21	Thuê đất trả tiền hàng năm, đơn giá cho thuê là 968 LAK/m ² /năm	30 năm kể từ ngày 01/10/2006 đến ngày 01/10/2035
b) Ngoại tệ các loại			31/12/2024	01/01/2024
Dòng đô la Mỹ (USD)			125.386,93	476.782,11
Dòng Kyat (MMK)			12.591.252,00	117.752,00
c) Vàng ngoại tệ			31/12/2024	01/01/2024
- Vàng (chỉ)			-	6,00
d) Nợ khó đòi đã xử lý			31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
Công ty TNHH Giống cây trồng Hải Anh - Phú Thọ			5.336.218.777	5.336.218.777
Đại lý Phạm Thu Hà			4.587.884.688	4.587.884.688
Cửa hàng Phương Đông			2.316.145.180	2.316.145.180
Các đối tượng khác			2.006.831.852	2.006.831.852
			14.247.080.497	14.247.080.497

Nguyên nhân của việc xóa nợ: Các khoản phải thu là nợ phải thu khó đòi trên 3 năm và đã được trích lập dự phòng, một số khoản phải thu có giá trị lớn đã được Công ty khởi kiện ra tòa án nhưng không thể thi hành do các đối tượng này không còn tài sản để thu hồi.

25. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	885.421.906.250	1.061.438.751.189
Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.777.777	922.939.058
	885.499.684.027	1.062.361.690.247
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	733.894.483	632.989.585

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 42.)

26. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.847.922.880	6.696.230.963
Hàng bán bị trả lại	16.933.848.288	7.591.617.054
Giảm giá hàng bán	31.482.200	63.160.627
	21.813.253.368	14.351.008.644

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	715.382.465.654	882.969.004.085
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	208.050.269	442.671.044
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.638.658.177	6.128.703.972
	718.229.174.100	889.540.379.101
Trong đó: mua hàng từ các bên liên quan		
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 42.)	14.038.930.270	12.383.652.306

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	68.747.386	38.830.661
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	75.234.216	996.888.046
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	11.206.057.908	9.203.478.893
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	2.234.550.033
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	26.118.913
	11.350.039.510	12.499.866.536

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.704.816.633	13.222.120.755
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	28.770.786.887	26.840.446.208
Lãi nhận kỳ quỹ, ký cược	19.968.974	49.327.215
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	14.727.913.842	13.170.331.178
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	419.044.631	-
Chi phí tài chính khác	49.195.169	76.203.000
	52.781.726.136	53.358.428.356

Trong đó: Chi phí tài chính trả cho bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 42.)

8.640.000

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.679.500.831	12.588.492.740
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	559.793.430	996.345.277
Chi phí nhân công	58.676.927.048	56.741.234.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.871.755.160	2.355.502.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.512.194.909	19.808.639.903
Chi phí khác bằng tiền	35.196.767.316	37.776.090.192
	127.496.938.714	130.266.385.821
Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 42.)	147.940.769	131.830.487

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	1.243.331.829	1.494.430.684
Chi phí nhân công	14.241.220.328	14.439.130.553
Chi phí khấu hao tài sản cố định	393.284.431	452.895.676
Thuế, phí, lệ phí	609.669.118	775.275.185
Chi phí dự phòng	741.293.386	2.256.360.231
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.076.084.132	4.286.152.826
Chi phí khác bằng tiền	5.920.118.911	5.356.270.032
	26.225.002.135	29.060.515.187

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	241.999.841	123.465.246
Thanh lý hàng thừa kiểm kê	-	8.040.000
Thu nhập từ chiết khấu thương mại	554.630	12.310.935
Thu nhập bán phế liệu	73.842.036	47.897.324
Thu nhập từ bán phụ	826.407.405	679.690.234
Thu nhập cho thuê kho	2.640.423.242	2.520.111.738
Hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi	845.902.534	389.882.922
Thu nhập khác	454.596.390	1.252.414.849
	5.083.726.078	5.033.813.248

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí xử lý, tiêu hủy sản phẩm hư hỏng, kém phẩm chất	688.932.141	1.651.610.319
Khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất	4.387.980	4.387.980
Tiền phạt vi phạm hành chính	17.827.992	5.619.157
Tiền truy thu, phạt thuế, chậm nộp thuế	115.817.839	900.000
Chi phí khác	582.842.143	159.446.228
	1.409.808.095	1.821.963.684

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các công ty con		
- Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Cambodia	2.790.265.229	2.726.757.441
- Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào	183.310.791	1.049.944.850
- Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa	270.671.344	418.366.223
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.244.247.364	4.195.068.514

35 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ còn lại đầu năm	2.631.755.935	1.570.633.275
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ trong năm	1.779.080.328	2.631.755.935
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng còn lại đầu năm	8.502.129.941	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng trong năm	10.248.071.367	8.502.129.941
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ năm trước	(2.526.448.135)	-
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng năm trước	(8.502.129.941)	(1.570.633.275)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12.132.459.495	11.133.885.876
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế còn lại đầu năm	5.013.294.798	5.013.294.798
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	5.013.294.798	5.013.294.798

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2024	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2.526.448.135	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	8.502.129.941	1.570.633.275
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.779.080.328)	(2.631.755.935)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	(10.248.071.367)	(8.502.129.941)
	<u>(998.573.619)</u>	<u>(9.563.252.601)</u>

36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(48.499.527.359)	(33.481.640.682)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(48.499.527.359)	(33.481.640.682)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.530.000	10.530.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(4.606)</u>	<u>(3.180)</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

37 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	313.029.133.699	333.817.810.066
Chi phí nhân công	91.656.155.787	87.397.453.863
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.400.369.666	5.306.244.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.921.562.967	32.434.304.625
Chi phí khác bằng tiền	52.539.625.657	53.099.650.848
	<u>494.546.847.776</u>	<u>512.055.464.031</u>

38 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền	5.321.564.755	-	-	5.321.564.755
Phải thu khách hàng, phải thu khác	111.392.663.662	619.886.914	-	112.012.550.576
Các khoản cho vay	5.250.000.000	-	-	5.250.000.000
	<u>122.164.228.417</u>	<u>619.886.914</u>	<u>-</u>	<u>122.784.115.331</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	20.767.337.996	-	-	20.767.337.996
Phải thu khách hàng, phải thu khác	217.724.896.214	1.452.750.000	-	219.178.646.214
	<u>238.492.434.210</u>	<u>1.452.750.000</u>	<u>-</u>	<u>239.945.184.210</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ thuế tài chính	123.758.110.782	348.285.000	-	124.106.395.782
Phải trả người bán, phải trả khác	178.127.839.933	1.316.854.000	-	179.444.693.933
Chi phí phải trả	4.852.078.703	-	-	4.852.078.703
	<u>306.738.029.418</u>	<u>1.665.139.000</u>	<u>-</u>	<u>308.403.168.418</u>

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	116.210.062.434	1.698.579.948	-	117.908.642.382
Phải trả người bán, phải trả khác	209.891.110.043	1.602.854.000	-	211.493.964.043
Chi phí phải trả	8.390.390.940	-	-	8.390.390.940
	334.491.563.417	3.301.433.948	-	337.792.997.365

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	482.414.302.657	515.238.594.071
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	475.767.397.849	593.654.032.693
Tiền trả nợ thuê tài chính	449.151.408	565.763.856

40. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này;

**41. BÁO CÁO BỘ PHẬN
Theo khu vực địa lý**

	Việt Nam	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	579.810.093.057	283.876.337.602	863.686.430.659
Tài sản bộ phận	385.080.959.911	66.287.878.689	451.368.838.600
Tổng chi phí mua TSCĐ	358.000.000	-	358.000.000

42. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hòa Sinh	Bên liên quan của Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa

Bên liên quan

Cơ sở sản xuất Nước Việt
Ông Võ Anh Tùng
Ông Nguyễn Quốc Dũng
Ông Tống Xuân Phú
Ông Võ Văn Nghi
Ông Huỳnh Chí Quyền
Ông Điều Quang Trung
Bà Bùi Thị Ánh Tuyết
Ông Trần Đình Vũ
Bà Đỗ Thị Kim Anh
Ông Huỳnh Văn Hải
Bà Phùng Thái Phương Trang
Công ty TNHH TM Nông Phú

Mối quan hệ

Bên liên doanh
Nhân sự quản lý chủ chốt
Nhân sự quản lý chủ chốt
Nhân sự quản lý chủ chốt
Nhân sự quản lý chủ chốt
Nhân sự quản lý chủ chốt
Nhân sự quản lý chủ chốt
Nhân sự quản lý chủ chốt
Nhân sự quản lý chủ chốt
Nhân sự quản lý chủ chốt
Nhân sự quản lý chủ chốt
Nhân sự quản lý chủ chốt
Công ty do Ông Võ Văn Nghi làm Giám đốc và
người đại diện pháp luật
Công ty do Ông Huỳnh Đức (Cha của ông
Huỳnh Chí Quyền) làm Chủ tịch HĐQT kiêm
Giám đốc

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nam Long Phát

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	733.894.483	632.989.585
- Công ty TNHH Thương mại Nông Phú	733.894.483	632.989.585
Mua hàng hóa, dịch vụ	14.038.930.270	12.383.652.306
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nam Long Phát	14.038.930.270	12.317.632.306
- Cơ sở sản xuất Nước Việt	-	66.020.000
Chi phí tài chính	8.640.000	-
- Lãi vay Ông Nguyễn Quốc Dũng	8.640.000	-
Chi phí bán hàng	147.940.769	131.830.487
- Công ty TNHH Thương mại Nông Phú	147.940.769	131.830.487

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thủ lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát		2.166.544.034	2.691.756.332
Ông Võ Anh Tùng	Chủ tịch HĐQT	-	74.000.000
Bà Lê Thị Phương	Chủ tịch HĐQT	-	134.588.850
	(Miễn nhiệm ngày 22/04/2023)		
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	372.975.918	484.305.894
Ông Tống Xuân Phú	Phó Chủ tịch	322.551.330	243.681.847
Ông Võ Văn Nghi	Thành viên HĐQT	-	15.000.000
Ông Huỳnh Chí Quyền	Thành viên HĐQT	-	15.000.000



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2025

Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc



NGUYỄN QUỐC DŨNG

CÔNG
TY CỔ
PHẦN
BẢO VỆ
THỰC
VẬT SÀI
GÒN

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO VỆ THỰC VẬT
SÀI GÒN
DN: C=VN, L=TPHCM,
CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN BẢO VỆ THỰC
VẬT SÀI GÒN,
OID.0.9.2342.19200300
.100.1.1=
MST:0300632232
Reason: I am the author
of this document
Location:
Date: 2025.04.14
10:05:12+07'00'
Foxit PDF Editor
Version: 12.1.0

Thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát (Tiếp theo)	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Đặng Thanh Cường	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 22/04/2023)	-	25.000.000
Ông Huỳnh Đức	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 22/04/2023)	-	25.000.000
Ông Điều Quang Trung	Phó Giám đốc	341.346.045	379.640.774
Bà Nguyễn Ngọc Bích	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/06/2023)	-	152.147.441
Bà Bùi Thị Ánh Tuyết	Phó Giám đốc	321.496.727	354.622.835
Ông Trần Đình Vũ	Trưởng Ban Kiểm soát	208.763.040	233.364.940
Bà Đỗ Thị Kim Anh	Thành viên BKS	-	36.000.000
Bà Mai Thị Lệ Khuyên	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 22/04/2023)	-	100.182.125
Ông Huỳnh Văn Hải	Thành viên BKS	269.478.245	186.368.613
Bà Phùng Thái Phương Trang	Kế toán trưởng	292.932.729	192.853.013

Thù lao HĐQT, BKS năm 2023 đã chi trong năm 2024, bao gồm:

Ông Võ Anh Tùng	Chủ tịch HĐQT	7.000.000
Ông Võ Văn Nghị	Thành viên HĐQT	14.000.000
Ông Huỳnh Chí Quyền	Thành viên HĐQT	5.000.000
Bà Đỗ Thị Kim Anh	Thành viên BKS	3.000.000
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	5.000.000
Ông Huỳnh Văn Hải	Thành viên BKS	3.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

43. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Đinh Hoàng Phát
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Phùng Thái Phương Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc